

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	1
1.1. Giới thiệu chương trình	1
1.2. Thông tin chung về chương trình	1
1.3. Triết lý đào tạo.....	2
1.4. Mục tiêu đào tạo	2
1.4.1. Mục tiêu chung.....	2
1.4.2. Mục tiêu cụ thể.....	2
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh	3
1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	3
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá	3
1.8. Điều kiện tốt nghiệp	4
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	4
PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH	5
2.1. Kiến thức	5
2.2. Kỹ năng	5
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	6
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra	6
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	8
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	8
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	8
3.3. Khung chương trình.....	9
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra	110
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ.....	116
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	122
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	144
3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.....	144
3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình.....	158
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	158
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình ...	164
3.9.1. Chương trình trong nước đã tham khảo	164
3.9.2. Chương trình ngoài nước đã tham khảo.....	164

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo là hệ thống các môn học thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức (thái độ), phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của bậc đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng, xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; phù hợp định hướng phát triển kinh tế, công nghiệp, nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động của địa phương, của vùng Kinh tế; tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng của quốc gia và quốc tế, tham khảo và đối sánh với các chương trình của các Trường Đại học khác ở trong nước và quốc tế.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Business Administration**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Mã số: **7340101**
- Thời gian đào tạo: **4 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**
- Thời gian ban hành chương trình: 2021
- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: **2019**
- Kiểm định chương trình:

1.3. Triết lý đào tạo

- Trách nhiệm: việc rèn đạo đức cho người học ngành Quản trị kinh doanh được đào tạo tại Khoa KTTN&MT luôn được quan tâm hàng đầu, thể hiện tinh thần trách nhiệm của Khoa đối với thế hệ trẻ, cũng như giúp bản thân người học nhận ra giá trị của tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, đối với tập thể, đối với tổ chức, với xã hội. Trách nhiệm trong việc luôn tự rèn luyện, không ngừng học tập, mọi lúc mọi nơi.

- Chuyên nghiệp: mục đích “luyện tài” cho thế hệ trẻ thông qua việc dạy và học trên lớp, từ môi trường xung quanh và việc tự học phải luôn được đẩy mạnh, khơi dậy động cơ và thái độ đúng đắn, với tinh thần kiên trì và tích cực để có được tay nghề cao trong công việc quản trị và kinh doanh. Tính chuyên nghiệp được thể hiện trong suy nghĩ, nhận thức, hành xử và trong các mối quan hệ xã hội, là đích đến của quá trình đào tạo tại Khoa.

- Đổi mới: Trong môi trường luôn biến động và hội nhập, ngành QTKD đòi hỏi sự năng động, nhiệt tình, luôn tiếp thu cái mới, sáng tạo, bắt kịp xu thế và vươn lên dẫn đầu thị trường. Đó là nhu cầu đáp ứng việc đào tạo người học có năng lực, phẩm chất cần thiết trong quá trình học tập, làm việc trước và sau khi tốt nghiệp. Năng lực đổi mới gắn với nghề nghiệp lựa chọn và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, xã hội.

- Phát triển: Người học phải được đào tạo theo xu hướng hội nhập thế giới, được đánh giá theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Giáo dục người học có khả năng tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới, tinh hoa văn hóa trên thế giới nhằm thúc đẩy sự phát triển sự nghiệp bản thân của người học, sự thành công của Khoa, của Nhà trường, cũng như sự phát triển, tiến bộ quốc gia.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị bất động sản cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành Quản trị kinh doanh, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế; Đồng thời có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất tốt, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước.

b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật, tài nguyên và môi trường; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có

kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về quản trị kinh doanh tổng hợp, quản trị kinh doanh bất động sản, quản trị văn phòng và kinh doanh thương mại để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn.

c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý được những tình huống cơ bản trong hoạt động quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp.

e) Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội;

f) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

Phương pháp giảng dạy, học tập được áp dụng trong chương trình học ngành Quản trị kinh doanh bao gồm:

- + Phương pháp thuyết trình;
- + Phương pháp động não;
- + Phương pháp Suy nghĩ – chia sẻ;
- + Phương pháp học dựa trên vấn đề;
- + Phương pháp hoạt động nhóm;
- + Phương pháp đóng vai;
- + Phương pháp Nghiên cứu tình huống;
- + Phương pháp Dạy học thông qua làm khóa luận/thực hành/thực tập.

- Hình thức kiểm tra đánh giá học phần trong chương trình ngành Quản trị kinh doanh đa dạng và phong phú, bao gồm Tự luận, bài tập lớn, thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tập và viết báo cáo.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội người học có thể lựa chọn các bộ phận, công việc cụ thể như sau:

- VT1: Chuyên viên/Nhân viên phụ trách công việc hành chính nhân sự, tuyển dụng nhân sự tại bộ phận nhân sự, Nhân viên kinh doanh, bán hàng, chăm sóc khách hàng tại bộ phận kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp tại các doanh nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai các bộ, ban, ngành, địa phương;

- VT2: Trưởng/Phó bộ phận, phòng ban chức năng: Trưởng/phó phòng tổ chức, phòng hành chính, phòng kế hoạch, phòng kinh doanh, phòng marketing, tổ trưởng phân xưởng sản xuất, ...

- VT3: Tổng giám đốc, Giám đốc chức năng tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước như: giám đốc điều hành, giám đốc nhân sự, giám đốc sản xuất, ...

- VT4: Nghiên cứu viên, chuyên gia tư vấn và giảng dạy về quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh bất động sản ở các Viện nghiên cứu, các Học viện, trường Đại học và Cao đẳng..

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Kiến thức

** Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường để giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp.

(2.1.2) Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

** Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.3) Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị kinh doanh để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

(2.1.4) Áp dụng kiến thức cốt lõi liên quan đến hoạt động nghề nghiệp tại doanh nghiệp gồm: kiến thức về quản trị chiến lược, quản trị các nguồn lực và quản trị hoạt động tác nghiệp của doanh nghiệp, từ đó ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh, theo các hướng chuyên sâu Quản trị kinh doanh bất động sản và Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị văn phòng, Kinh doanh thương mại.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

(2.2.1) Năng lực ngoại ngữ và tin học:

- Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây:

+ Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu) do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Đạt chuẩn bậc B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư

03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

(2.2.2) Có kỹ năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

(2.2.3) Thực hiện được các bước công việc trong công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể đối với một doanh nghiệp.

* *Kỹ năng chuyên môn:*

(2.2.4) Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.

(2.2.5) Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh.

(2.2.6) Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược kinh doanh và hoạt động tác nghiệp trong các doanh nghiệp chung và các doanh nghiệp bất động sản.

(2.2.7) Thực hiện được kỹ năng quản lý và lãnh đạo

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.

(2.3.2) Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.

(2.3.3) Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

(2.3.4) Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.

2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		a	b	c	d	e	f
Kiến thức	2.1.1	x	x	x			
	2.1.2	x	x	x	x		x
	2.1.3		x	x	x		x
	2.1.4		x	x	x		x
Kỹ năng	2.2.1			x	x		
	2.2.2			x		x	
	2.2.3		x	x			

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
	a	b	c	d	e	f
2.2.4	x				x	
2.2.5			x		x	
2.2.6			x		x	
2.2.7	x				x	x
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1	x			x	x
	2.3.2	x			x	
	2.3.3		x			x
	2.3.4		x	x	x	

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	35	26,3%
+ Các học phần chung:	19	14,3%
+ Các học phần bắt buộc của Trường:	04	3,01%
+ Các học phần của ngành:	12	9,02%
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	73,7%
• Kiến thức cơ sở ngành	14	10,53%
+ Bắt buộc:	14	10,53%
+ Tự chọn:	0	0
• Kiến thức ngành	54	40,6%
+ Bắt buộc:	39	29,3%
+ Tự chọn:	15	11,3%
• Kiến thức chuyên ngành	18	13,5%
+ Bắt buộc:	0	0
+ Tự chọn:	18/33	13,5%
• Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12	9,07%

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA														
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
- Kiến thức giáo dục đại cương	3	1	1	1	3	3	1	3	1	1	1	2	3	2	1
- Kiến thức cơ sở ngành	1	3	2	2	1	2	3	1	2	1	3	1	1	2	1
- Kiến thức ngành	-	-	3	2	1	3	3	1	2	1	1	1	1	3	1
- Kiến thức chuyên ngành	-	-	3	3	1	3	3	1	3	3	1	1	1	3	3
- Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	-	-	3	3	1	3	3	2	3	3	1	1	1	2	3

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA														
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
- Kiến thức không tích lũy	2	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	3	1	2	-

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập.

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		35					
1.1	Các học phần chung		19					
1	LCML10 1	Triết học Mác - Lênin	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích được các vấn đề cơ bản của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. + Lấy được ví dụ minh họa cho những nội dung cụ thể trong triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. + Phân tích được những nội dung cơ bản của của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. + Vận dụng được những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử vào thực tiễn. + Đánh giá về một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn trên lập trường triết học Mác-Lênin. 	30	15	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng. + Cải thiện kỹ năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và tự học. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực và chủ động trong lĩnh hội, bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; củng cố niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước. 				
2	LCML10 2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày, giải thích những kiến thức cơ bản về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Phân tích, đánh giá được bản chất các phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản trong nền sản xuất hàng hóa, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. + Áp dụng kiến thức đã học để giải thích một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. - Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về kinh tế chính trị. + Vận dụng kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong giải quyết một số vấn đề 	20	10	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>kinh tế chính trị hiện nay.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực và chủ động trong học tập và rèn luyện, đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay.</p> <p>+ Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, xác định trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và hoạt động thực tiễn.</p>				
3	LCML10 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Giải thích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam.</p> <p>+ Lấy được một số ví dụ trong thực tiễn để minh họa cho những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>+ Vận dụng được một số vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn.</p> <p>+ Phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam.</p> <p>+ Đánh giá được một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn theo lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phản biện.</p>	20	10	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>				
4	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>- Về kiến thức: + Trình bày, phân tích và chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan. + Phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập đến nay; vận dụng và đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề hiện nay. - Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng đấu tranh, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững... theo chủ trương của Đảng. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; Hành động có trách nhiệm để bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng. + Nhận thức và hành động đúng trong học tập và rèn luyện, góp</p>	21	09	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
5	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày, phân tích được khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy lý luận.</p> <p>+ Vận dụng được một số vấn đề lý luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, cuộc sống và nghề nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có phẩm chất đạo đức tốt và lối sống lành mạnh. Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.</p> <p>+ Có tinh thần yêu nước, tự giác, tự nguyện đóng góp sức lực và trí tuệ của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	21	09	60	
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	<p>* Về kiến thức:</p> <p>- Từ vựng</p> <p>+ Nhận diện được từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, từ để hỏi, các từ chỉ tên các nước và quốc tịch, động từ chỉ hoạt động hàng ngày, ngày tháng năm, thập kỷ và thế kỷ.</p> <p>+ Giải thích được khái niệm</p>	12	33	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>trạng từ tần suất, danh từ đếm được và danh từ không đếm được.</p> <p>+ Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.</p> <p>- Ngữ pháp</p> <p>+ Nhận diện được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ.</p> <p>+ Phân biệt được cách sử dụng của các thì và cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp.</p> <p>+ Vận dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn và làm bài tập.</p> <p>* Về kỹ năng:</p> <p>- Kỹ năng đọc:</p> <p>+ Làm theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu.</p> <p>+ Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc.</p> <p>+ Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc.</p> <p>+ Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.</p> <p>- Kỹ năng nghe</p> <p>+ Làm theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập.</p> <p>+ Vận dụng các động từ, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài.</p> <p>+ Nắm vững các kỹ năng nghe để hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.</p> <p>+ Phát triển nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.</p> <p>- Kỹ năng viết</p> <p>+ Làm theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép.</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. + Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề. - Kỹ năng nói + Làm theo hướng dẫn của GV để giới thiệu bản thân và giao tiếp hàng ngày. + Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. + Kết hợp các câu ngắn để thành lập 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài. * Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. + Tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao trên lớp. + Chia sẻ ý kiến, quan điểm và kiến thức với GV và các SV khác. + Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau. 				
7	NNTA10 2	Tiếng Anh 2	3	<ul style="list-style-type: none"> * Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến hoạt động giải trí, lễ hội, nghề nghiệp, ngoại hình, ước mơ, tham vọng, đặc điểm địa lý. - Phân biệt được các âm cơ bản trong tiếng Anh, các dạng câu hỏi, cụm từ chỉ thời gian, các từ vựng so sánh. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. - Gọi tên được các danh từ, động 	12	33	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cách sử dụng của thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, động từ khuyết thiếu, câu hỏi có từ hỏi, các mẫu câu so sánh. - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập. <p>* Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đọc <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. + Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. + Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. + Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. - Kỹ năng nghe <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. + Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. + Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. + Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. - Kỹ năng viết <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. + Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. + Kết hợp các câu văn để thành 				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nói + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hàng ngày. + Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. + Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. + Phát triển các câu ngắn thành 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài. <p>* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau. 				
8	NNTA10 3	Tiếng Anh 3	2	<p>* Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng + Liệt kê được các từ vựng liên quan đến cuộc sống giữa quá khứ và hiện tại, sức khỏe, tai nạn, các danh từ chỉ vật thể thiết yếu, hàng ngày, các tính từ chỉ tính cách con người, danh từ chỉ nghề nghiệp, các mệnh giá tiền tệ trên thế giới. + Phân biệt thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với hiện tại hoàn thành tiếp diễn. + Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. 	8	22	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>- Ngữ pháp</p> <p>+ Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ.</p> <p>+ Giải thích được cách sử dụng của cấu trúc USED TO, thì quá khứ hoàn thành và hiện tại hoàn thành, thể bị động của thì Hiện tại đơn và quá khứ đơn.</p> <p>+ Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.</p> <p>* Về kỹ năng:</p> <p>- Kỹ năng đọc</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu.</p> <p>+ Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc.</p> <p>+ Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc.</p> <p>+ Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.</p> <p>- Kỹ năng nghe</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập.</p> <p>+ Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài.</p> <p>+ Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.</p> <p>+ Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.</p> <p>- Kỹ năng viết</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép.</p> <p>+ Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu.</p> <p>+ Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu.</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>+ Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề.</p> <p>* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau. 				
9		Giáo dục thể chất	4	<p>Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:</p> <p>* Phần bắt buộc (3TC)</p> <p>(1) Thể dục (1TC): Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học, cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp sinh viên có được tư tế tác phong nhằm chuẩn mực hóa kỹ năng vận động và nâng cao thể lực</p> <p>(2) điền kinh 1 (1TC) và điền kinh 2(1TC): Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.</p> <p>(3) Phần tự chọn (1TC): SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ, bơi lội, bóng đá, đá cầu, thể dục Aerobic</p>				
10		Giáo dục quốc	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		phòng-an ninh		quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường		4					
11	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát hóa được những vấn đề nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; những nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và Pháp luật về phòng chống tham nhũng.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức đã học đã học để:</p> <p>+ Xác định nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu, hình thức, bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.</p> <p>+ Phân biệt được các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>+ Giải quyết bài tập tình huống pháp luật.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực của đời sống phục vụ nhu cầu bản thân và cộng đồng.</p> <p>+ Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập khi giải quyết tình huống pháp luật.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	20	10	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				Xác định được vị trí của bản thân trong các mối quan hệ xã hội, thực hành sống, học tập và làm việc theo pháp luật.				
12	CTKU101	Tin học đại cương	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin. + Áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng. + Nhận diện được các thiết bị của máy tính và các thiết bị mạng. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông như: hệ điều hành, mạng máy tính và Internet. + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,... - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành. + Hoàn thành các bài tập về nhà, nâng cao tính tích cực trong việc học và tự học. 	19	11	60	
1.3	Các học phần của ngành		12					
13	KTKH101	Kinh tế vi mô	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Tóm tắt và phân tích được các kiến thức tổng quan về kinh tế học, thị trường, cầu cung hàng hóa và giá cả. + Giải thích được hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng 	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>hoá và thị trường các yếu tố sản xuất.</p> <p>+ Phân biệt được các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này.</p> <p>+ Phân tích được những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. Sử dụng các kiến thức về thị trường để phân tích, nhận định tình hình giá cả biến động trong từng thị trường trong một số tình huống thực tế đơn giản.</p> <p>+ Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.</p> <p>+ Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p>				
14	KTKH10 2	Kinh tế vĩ mô	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tóm tắt và phân tích được khái niệm kinh tế vĩ mô, giải thích được các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô, tổng cầu và tổng cung; phân tích các nội dung về</p>	31, 5	13, 5	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>hạch toán thu nhập quốc dân, tang trưởng kinh tế.</p> <p>+ Phân biệt được tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ.</p> <p>+ Phân tích được lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau, và phân tích một số tình huống kinh tế thực tế đơn giản.</p> <p>+ Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.</p> <p>+ Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận</p>				
15	KĐTO10 5	Toán kinh tế	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các khái niệm, tính chất cơ bản trong Toán kinh tế.</p> <p>+ Nhận diện được các biểu thức, công thức trong Toán kinh tế.</p> <p>+ Giải được các bài toán cơ bản trong phân tích kinh tế.</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập.</p> <p>+ Xây dựng mối liên hệ giữa kiến thức cơ bản của Toán kinh tế với kiến thức chuyên ngành.</p> <p>- Về kỹ năng:</p>	16	14	30	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Làm theo hướng dẫn của GV để làm bài tập + Sử dụng kiến thức đã học để giải được các bài tập về đại số và giải tích + Nắm vững kiến thức Toán cao cấp để áp dụng trong các chuyên ngành khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao. + Chia sẻ ý kiến, quan điểm, kiến thức với GV và các SV khác. + Tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về Toán kinh tế vào các lĩnh vực chuyên môn. 				
16	KTKH10 3	Kinh tế số	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được các khái niệm về kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, hạ tầng mạng, viễn thông. + Phân tích được các loại hình kinh tế số, vai trò của công nghệ thông tin truyền thông. + Nhận diện được thị trường số, thị trường trực tuyến, ngoại tuyến. + Vận dụng được kiến thức về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số để định hướng phát triển ngành kinh tế cụ thể ở Việt Nam. - Về kỹ năng: + Trình bày được các khái niệm về kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, hạ tầng mạng, viễn thông. + Phân tích được các loại hình kinh tế số, vai trò của công nghệ 	21	09	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thông tin truyền thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận diện được thị trường số, thị trường trực tuyến, ngoại tuyến. + Vận dụng được kiến thức về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số để định hướng phát triển ngành kinh tế cụ thể ở Việt Nam. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ theo nguyên tắc và thích nghi với môi trường làm việc. + Ứng dụng được các kiến thức để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. 				
17	KTKD10 1	Khởi sự kinh doanh	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được những vấn đề cơ bản của kinh doanh, phương thức, quy trình, chiến lược khởi sự kinh doanh. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng kiến thức về khởi sự kinh doanh để lập kế hoạch kinh doanh; tạo lập doanh nghiệp. + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế khởi tạo, thành lập doanh nghiệp. + Phân tích, đánh giá ý tưởng khởi sự kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo 	21	09	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		98					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		14					
18	KTKD105	Quản trị học	3	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị bao gồm khái niệm, vai trò của: bản chất, chức năng, nhà quản trị, học thuyết quản trị, các chức năng quản trị.</p> <p>- Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức về thông tin quản trị để đánh giá, tổng hợp các phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. + Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng từ môi trường đến hoạt động quản trị.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Hình thành năng lực tự nghiên cứu, tổng hợp lý thuyết và đánh giá các chức năng của quản trị trong quá trình quản trị kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp. + Hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong giải quyết các tình huống thực tế.</p>	34	11	90	
19	KTKT102	Định giá tài sản	2	<p>- Về kiến thức: + Biết được những vấn đề cơ bản về định giá: khái niệm, đối tượng định giá, phân loại đối tượng định giá, nguyên tắc định giá.</p>	20	10	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>+ Hiểu, Phân tích được những vấn đề cơ bản về các phương pháp định giá; quy trình định giá và pháp luật trong hoạt động định giá: nguyên tắc và điều kiện áp dụng, nội dung của phương pháp; các bước trong quy trình định giá, thành phần của hồ sơ định giá; quy định của pháp luật về định giá viên, doanh nghiệp định giá và vấn đề pháp lý về hợp đồng định giá</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để sử dụng đúng các phương pháp định giá với từng loại tài sản cụ thể; phân tích thông tin hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện thu thập thông tin và xử lý tài liệu về các tài sản tương tự làm căn cứ đối chiếu trong quá trình định giá, lập báo cáo kết quả và chứng thư định giá; phân tích và đánh giá kết quả thu được.</p> <p>+ Sử dụng các văn bản pháp luật quy định về các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam để xác định giá trị của tài sản</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình và viết báo cáo phục vụ cho việc xác định giá trị của tài sản và thực hiện quy trình định giá</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với tổ chức và xã hội.</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				+ Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý				
20	KTKE101	Nguyên lý kế toán	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán + Áp dụng được phương pháp kế toán trong kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành + Hiểu được các kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 	26	19	90	
21	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được những vấn đề cơ bản về Tài chính Tiền tệ: Nguồn gốc, chức năng của tiền tệ, khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian và hệ thống 	23	07	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>Ngân hàng.</p> <p>+ Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế, dự báo ảnh hưởng của sự biến động thị trường tài chính</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được tìm kiếm các văn bản, tài liệu, điều luật trong lĩnh vực tài chính tiền tệ vào giải quyết công việc hiệu quả, đúng pháp luật</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng lập luận, đánh giá các vấn đề cơ bản chung về tài chính tiền tệ, đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế</p> <p>+ Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý công việc</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với tổ chức và xã hội.</p> <p>+ Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
22	KTKD11 3	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản đặc trưng pháp lí, các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, nghiên cứu và dự thảo</p>	20	10	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài... nhằm giải quyết các vấn đề về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản vào việc dự thảo các mẫu hợp đồng kinh tế thường gặp khác</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng ứng dụng trong việc dự thảo các mẫu hợp đồng kinh tế trong kinh doanh</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích các vấn đề trong việc dự thảo các loại hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao các vấn đề xây dựng các hợp đồng kinh tế trong kinh doanh</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p>				
23	KTKH10 4	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu trong kinh doanh.</p> <p>+ So sánh được các phương pháp</p>	23	07	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p> nghiên cứu trong nghiên cứu trong kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu nghiên cứu + Khái quát hóa được quá trình thiết kế nghiên cứu, trình bày báo cáo nghiên cứu + Vận dụng thiết kế bảng hỏi, thu thập dữ liệu nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng thang đo. + Thiết kế được bảng hỏi + Sử dụng phương pháp chọn mẫu, phương pháp thu thập dữ liệu phù hợp. + Lựa chọn được công cụ trình bày kết quả nghiên cứu phù hợp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> Sắp xếp, tổ chức các hoạt động trong quá trình nghiên cứu trong kinh doanh 				
2.2	Kiến thức ngành		54					
2.2.1	Bắt buộc		39					
24	KTPT120	Marketing căn bản	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản về về khái niệm, chức năng, vai trò trong marketing để giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp + Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing; đưa ra những lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu + Phân tích được hành vi của người tiêu dùng, tổ chức và các 	24	06	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng, tổ chức để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh</p> <p>+ Vận dụng các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến trong từng loại hình doanh nghiệp cụ thể, từ đó ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược kinh doanh và hoạt động tác nghiệp trong các doanh nghiệp chung và các doanh nghiệp bất động sản</p> <p>+ Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về marketing để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận</p> <p>+ Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp</p>				
25	KTKD106	Thương mại điện tử	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Hiểu được những vấn đề căn bản của thương mại điện tử như: khái niệm lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng</p>	24	06	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng kiến thức cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử để tổng hợp, đánh giá, và phân tích trong lĩnh vực quản trị kinh doanh</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực quản trị kinh doanh</p> <p>+ Phân tích, đánh giá tác động của việc ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực quản trị kinh doanh từ đó đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực quản trị kinh doanh</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập nhóm</p>				
26	KTKD10 8	Quản trị chiến lược	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được cái vấn đề cơ bản liên quan đến quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; viễn cảnh của doanh nghiệp; khái niệm và bản chất của lợi thế cạnh tranh. Phân biệt chiến lược tăng</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>trường và chiến lược suy giảm. Nhận định được chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và các chiến lược chức năng; tóm tắt được toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến lược</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức trong việc phân tích được môi trường kinh doanh bên ngoài và môi trường nội bộ doanh nghiệp để hoạch định chiến lược; các yếu tố cấu thành bản tuyên bố sứ mạng của doanh nghiệp; chiến lược đổi mới. Hệ thống hóa việc lựa chọn và thực hiện chiến lược; bản chất của việc đánh giá chiến lược và quy trình kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh</p> <p>+ Tổng hợp hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích và dự báo môi trường kinh doanh, tạo dựng và duy trì lợi thế cạnh tranh</p> <p>+ Ứng dụng trong việc lựa chọn chiến lược kinh doanh và các phương thức thâm nhập thị trường. Thiết lập các liên minh chiến lược toàn cầu</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp.</p> <p>+ Phát triển được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Hình thành những quyết định trong kinh doanh giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị chiến lược + Năng lực phân tích, tổng hợp, tự thích nghi với sự thay đổi của môi trường + Năng lực xây dựng kế hoạch, định hướng trong tương lai 				
27	KTPT105	Quản trị Marketing	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu và áp dụng kiến thức về bản chất của marketing và quản trị marketing để giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp + Nhận diện và phân tích các cơ hội marketing với doanh nghiệp làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu + Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị marketing để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh + Áp dụng kiến thức cốt lõi liên quan đến quản trị marketing nhằm ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh - Về kỹ năng: + Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược kinh doanh và hoạt động quản trị marketing trong các doanh nghiệp chung và các 	23	07	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>doanh nghiệp bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có kỹ năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác + Có thể lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các bước, đánh giá một kế hoạch marketing + Thực hiện được kỹ năng quản lý và lãnh đạo - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi + Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm về quản trị marketing để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành khác + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau 				
28	KTKD10 9	Quản trị nguồn nhân lực	3	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khái quát được khái niệm cơ bản về quản trị nhân lực bao gồm các công việc: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động + Phân tích được thực trạng nhân lực tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn 	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương</p> <p>+ Tổng hợp các phương pháp tạo động lực lao động, kiểm soát nhân lực tối ưu</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thành thạo trong việc thực hành các bài tập tính toán về quản trị nhân lực, tính toán và trả lương cho người lao động</p> <p>+ Sử dụng các kiến thức vào hoạt động quản trị nhân lực thực tiễn, nhằm thúc góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tập trung lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản</p> <p>+ Đề xuất công tác quản trị nhân lực vào công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn</p>				
29	KTKD110	Hệ thống thông tin quản lý	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về: khái niệm, yêu cầu và phân loại hệ thống thông tin, mô hình cơ sở dữ liệu. phần cứng và phần mềm trong hệ thống thông tin, khái niệm phân tích và thiết kế hệ thống thông tin,...</p> <p>+ Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin kinh doanh</p> <p>+ Biết sử dụng công thức để đánh giá tính hiệu quả khi áp dụng hệ</p>	21	09	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thống thông tin vào trong quản lý doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin cho từng bộ phận trong doanh nghiệp</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức đã học để quản lý hệ thống thông tin của doanh nghiệp</p> <p>+ Hiểu rõ các phân hệ của các hệ thống thông tin kinh doanh trong doanh nghiệp, để từ đó giúp doanh nghiệp đưa ra phương án quản lý hệ thống thông tin</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Đề xuất ý tưởng thiết kế hệ thống thông tin mới hoặc phát triển hệ thống thông tin hiện có trong doanh nghiệp</p>				
30	KTKD11 2	Kinh doanh quốc tế	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề căn bản của kinh doanh quốc tế bao gồm khái niệm, phạm vi, đặc điểm của hoạt động kinh doanh quốc tế, khái niệm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, các chiến lược kinh doanh quốc tế, các khái niệm của từng phương thức thâm nhập thị trường quốc tế</p> <p>+ Vận dụng kiến thức về chiến lược kinh doanh quốc tế, phương thức thâm nhập thị trường quốc tế để tổng hợp, đánh giá, phân tích và lập kế hoạch kinh doanh quốc tế</p> <p>+ Phân tích, đánh giá các chiến lược và phương thức thâm nhập thị trường quốc tế từ đó đưa ra các biện pháp kinh doanh quốc</p>	22	08	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tế. Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các phương thức trong quá trình kinh doanh quốc tế tại các tổ chức, doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế xâm nhập thị trường quốc tế trong lĩnh vực quản trị kinh doanh quốc tế</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập kinh doanh quốc tế</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>				
31	KTKD10 7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Sinh viên có đầy đủ vốn từ vựng và ngữ pháp để sử dụng tham gia vào các đoạn hội thoại trong những tình huống cụ thể trong doanh nghiệp</p> <p>+ Sinh viên có thể đọc hiểu các văn bản ngắn có nội dung liên quan đến lĩnh vực kinh tế và doanh nghiệp qua đó có thể vận dụng được kiến thức đã học trong môi trường doanh nghiệp sau này</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sinh viên có kỹ năng giao tiếp cơ bản đối với các tình huống cụ thể trong doanh nghiệp như trao đổi về công việc, sử dụng email cũng như các loại văn bản khác</p>	24	21	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>bằng tiếng anh nhằm phục vụ cho việc giao tiếp trong các tình huống cụ thể như trả lời email phỏng vấn, phản hồi về công việc, viết thư mời</p> <p>+ Sinh viên biết cách sử dụng tiếng anh trong giao tiếp, đảm bảo vận dụng thành thạo tiếng anh trong công việc, đạt được yêu cầu về chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tập trung lắng nghe trên lớp, nghiêm túc trong quá trình làm việc cá nhân cũng như làm việc nhóm</p> <p>+ Có năng lực đọc, hiểu và nghiên cứu và tự nâng cao trình độ đối với các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh</p>				
32	KTKD10 2	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề căn bản của kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng quản lý bản thân, xây dựng quan hệ với con người và các kỹ năng chuyên biệt cho lĩnh vực quản trị kinh doanh</p> <p>+ Áp dụng được những kỹ năng phát triển nghề nghiệp trong quá trình làm việc</p> <p>+ Hiểu được các kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng quản lý bản thân</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng kiến thức về kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng đàm phán trong hoạt động doanh nghiệp</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng quản trị bản thân</p>	21	09	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Đánh giá các kỹ năng phát triển bản thân trong quá trình làm việc. + Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập phát triển bản thân.. 				
33	KTKD11 1	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh như các chuẩn mực, triết lý đạo đức kinh doanh, các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh vào trong môi trường doanh nghiệp. + Phân tích được những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và một số khía cạnh văn hóa trong doanh nghiệp - Về kỹ năng: + Thực hiện phân tích các vấn đề về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc 	21	09	60	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý				
34	KTKD10 3	Tham quan nhận thức 1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ + Mô tả được đặc điểm hoạt động kinh doanh, mô hình tổ chức của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng kỹ năng quan sát bước đầu tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin tại đơn vị tham quan. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát, lắng nghe, lĩnh hội kiến thức được tiếp cận + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật 	80 giờ	30		
35	KTKD10 4	Tham quan nhận thức 2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các loại hình doanh nghiệp sản xuất + Mô tả được đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất cụ thể + Mô tả được mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy tổ chức của doanh nghiệp sản xuất cụ thể - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện kỹ năng quan sát và thu thập thông tin - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát, lắng nghe, lĩnh hội kiến thức được tiếp cận + Hành động có trách nhiệm với 	80 giờ	30		

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật				
36	KTKD11 4	Thực tập nghề nghiệp 1	4	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp trên cơ sở trải nghiệm các hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp</p> <p>+ Khái quát chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.</p> <p>+ Giải thích được cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế hoạt động trong doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích để giải quyết và xử lý các tình huống cụ thể liên quan đến mảng công việc cụ thể được giao trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Phát triển kỹ năng mềm như: giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian trong công việc được giao; viết và trình bày báo cáo.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Nhận thức đúng đắn về môi trường làm việc và con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân</p> <p>+ Lĩnh hội được kiến thức có liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh để nâng cao trình độ chuyên môn.</p> <p>+ Hành động trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật.</p>		240 giờ	120	
37	KTKD11 5	Thực tập nghề nghiệp 2	5	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tổng hợp được kiến thức lý thuyết chuyên ngành vào trong thực tế.</p>		280 giờ	150	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá được các hiện tượng, tình huống quản trị trong thực tiễn trên cơ sở lý thuyết đã được học - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tương tác với đồng nghiệp, tìm kiếm thông tin và giải quyết vấn đề để đạt được các mục tiêu đã đặt ra + Phát triển các kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng phân tích, tổ chức thực hiện, kiểm soát các hoạt động quản trị trong điều kiện thực tế - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Nhận thức đúng đắn vấn đề môi trường làm việc và con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân + Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các cơ sở kinh doanh, sản xuất 				
38	KTKD11 6	Thực tập nghề nghiệp 3	5	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày các kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị + Mô tả được chức năng và nhiệm vụ của phòng ban thực tập + Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp thông qua một số các chỉ tiêu cơ bản + Vận dụng được các kiến thức đã học về quản trị kinh doanh vào thực tế hoạt động tại đơn vị 		280 giờ	150	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thực tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: + Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ được giao tại đơn vị thực tập + Phân tích, xử lý thông tin và viết báo cáo các khía cạnh chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Phát triển năng lực học hỏi, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc + Tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc và chủ động giải quyết vấn đề 				
2.2.2	Tự chọn (Chọn 5 học phần*3TC)		15					
39	KTKD11 7	Quản trị tác nghiệp	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát được khái niệm cơ bản về quản trị tác nghiệp và các quyết định trong quản trị sản xuất/tác nghiệp; dự báo được nhu cầu sản phẩm, các phương pháp dự báo định tính và phương pháp dự báo định lượng; thiết kế sản phẩm dịch vụ, phát triển và các kỹ thuật trong thiết kế sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định được công suất. + Phân tích được các phương pháp quản trị hàng dự trữ; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; các yêu cầu ứng dụng MRP và các bước hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; các phương pháp xác định lô hàng Quản trị dự án sản xuất + Tổng hợp các phương pháp 	37	08	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>quản trị dịch vụ, những vấn đề chung về quản trị dịch vụ, ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong quản trị dịch vụ và quá trình cung ứng dịch vụ.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thành thạo trong việc thực hành các bài tập tính toán về quản trị tác nghiệp như dự báo, lựa chọn sản phẩm, thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất, các phương pháp quản trị hàng dự trữ.</p> <p>+ Sử dụng các kiến thức vào hoạt động quản trị kinh doanh thực tiễn, nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tập trung lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản</p> <p>+ Đề xuất công tác quản trị tác nghiệp vào công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>				
40	KTKD11 8	Quản trị doanh nghiệp	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị doanh nghiệp: các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, nhà quản trị trong doanh nghiệp, lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, hành vi trong doanh nghiệp, nguyên tắc quản trị nhóm, Vận dụng kiến thức cơ bản trong hoạt động điều hành doanh nghiệp</p>	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu rõ cách phân quyền và ủy quyền trong quản trị doanh nghiệp, quản trị hành vi trong doanh nghiệp và quản trị nhóm sao cho hiệu quả. Giải thích được sự tác động của các yếu tố đến quản trị nhân sự và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, cơ chế quản trị doanh nghiệp + Phân tích được các tố chất cần có của một giám đốc doanh nghiệp và tiêu chuẩn của một giám đốc doanh nghiệp. Áp dụng được các mô hình tổ chức bộ máy trong quản trị doanh nghiệp - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát triển thương hiệu văn hóa doanh nghiệp trong mắt công chúng. + Sử dụng các phương pháp để ra quyết định chính xác. Vận dụng công thức tính toán kết quả kinh doanh cho các thương vụ. + Vận dụng các kiến thức để quản lý nhân sự trong việc đánh giá nhân sự - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Đề xuất ý tưởng mới trong việc quản trị các vấn đề trong doanh nghiệp 				
41	KTKD11 9	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được những khái niệm, cơ sở lý luận, vai trò cũng như các phương pháp nghiệp vụ áp dụng trong phân tích kinh doanh + Phân tích doanh nghiệp thông qua các nội dung cơ bản của phân tích kinh doanh, bao gồm: phân tích hoạt động cung cấp, hoạt động sản xuất, hoạt động 	28	17	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tiêu thụ, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và đánh giá tình hình tài chính và phân tích khả năng sinh lời.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc phân tích kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tình trạng của từng tình huống cụ thể để áp dụng kiến thức đã học và các công cụ phân tích kinh doanh để thực hiện việc nghiên cứu, phân tích tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp cụ thể trong thực tiễn.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và làm bài tập để tính toán và đánh giá tình hình sản xuất của doanh nghiệp, các vấn đề còn tồn đọng và đưa ra khuyến nghị, đề xuất cho từng trường hợp cụ thể nhằm cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</p>				
42	KTKT103	Quản trị tài chính	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Biết được những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp và</p>	30	15	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>quản trị tài chính doanh nghiệp: khái niệm tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính và tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp</p> <p>+ Hiểu, Phân tích được những vấn đề cơ bản về các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính; huy động và phân bổ các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản trị tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động và cố định; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư; chính sách phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức của công ty</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các hệ số tài chính; chi phí sử dụng các nguồn tài trợ; đánh giá hiệu quả dự án đầu tư giúp nhà quản trị tài chính đưa ra quyết định tài chính chính xác</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về phân bổ nguồn vốn, tổng hợp, phân tích và đưa ra nhận xét công tác quản trị vốn và sử dụng vốn từ đó định hướng chiến lược phát triển tương lai thông qua các dự án đầu tư dài hạn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tìm ra những điểm mấu chốt tình hình tài chính của doanh nghiệp, quản trị vốn cố định và vốn lưu động</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhóm, thuyết trình và viết báo cáo phục vụ cho tổng hợp, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, đưa ra kiến nghị phù hợp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p>				
43	KTKD120	Quản trị dự án đầu tư	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề cơ bản, đặc trưng của dự án đầu tư, quản trị dự án đầu tư. Mạng công việc, dự toán ngân sách. Hiểu được nội dung về quản trị chất lượng, quản trị rủi ro</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nắm vững nội dung về quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro của từng dự án. Nắm bắt được những nội dung của giám sát dự án, cũng như mục tiêu của phân loại và đánh giá các dự án</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tiền lương, bài tập về phân bổ nguồn nhân lực cũng như dự tính thời gian và các yếu tố ảnh hưởng tới các công việc của dự án</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm giải quyết tình huống khác nhau cũng như tính toán các chỉ số khác nhau của mỗi dự án cụ thể như tỷ lệ rủi ro, thời gian thu hồi vốn, điểm hòa vốn của mỗi dự án</p>	32	13	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Tổng hợp lý thuyết và số liệu của doanh nghiệp từ đó đưa ra nhận xét đánh giá độ khả thi cũng như dự báo lợi nhuận của mỗi dự án được đánh giá + Trình bày những ý tưởng, chiến lược kinh doanh các dự án. Lựa chọn những dự án khả thi, những dự án có lợi nhuận cao cũng như loại bỏ những dự án đầu tư không khả thi, kém hiệu quả 				
44	KTKT116	Kiểm soát nội bộ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được những vấn đề cơ bản về Kiểm soát nội bộ như: Khái niệm, vai trò, các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Những hạn chế cố hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Những vấn đề cơ bản về gian lận và sai sót như: Khái niệm, các nhân tố tác động, biểu hiện của gian lận và sai sót, các biện pháp phòng ngừa + Phân tích được những vấn đề cơ bản của một số quy trình KSNB chủ yếu trong doanh nghiệp + Áp dụng được những kiến thức đã học để phân biệt giữa gian lận và sai sót + Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện được tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến KSNB trong doanh nghiệp 	32	13	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật và cá phương pháp, thủ tục kiểm soát để giải quyết các bài tập tình huống + Kết hợp các kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn. + Sử dụng lý thuyết về KSNB để thiết lập được những chính sách và thủ tục kiểm soát cho doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. + Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn + Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp 				
45	KTKD12 1	Tái lập doanh nghiệp	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày khái niệm thay đổi, phát triển, quản trị sự thay đổi, tái lập doanh nghiệp. Liệt kê được các hình thức của thay đổi, phát triển và sự cần thiết của tái lập - Về kỹ năng: + Vận dụng khái lược về thay đổi và phát triển để phân tích và áp dụng xác định các trường hợp tái lập doanh nghiệp + Chuẩn hóa và thành thạo nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản lý hoạt động liên quan đến tái lập doanh nghiệp + Tổng hợp các nội dung lý 	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thuyết để đánh giá các trường hợp phải thay đổi, phát triển và thực hiện các nội dung của tái lập</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận</p>				
46	KTKD12 2	Quản trị quá trình kinh doanh	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các vấn đề cốt lõi về: khái niệm, vai trò và lợi ích của quản trị quá trình kinh doanh; ý nghĩa của việc thiết kế quy trình kinh doanh, nội dung của phân tích quy trình kinh doanh, tầm quan trọng của cải tiến quy trình kinh doanh.</p> <p>+ Nắm được bước thiết kế quy trình kinh doanh, các bước mô phỏng quy trình kinh doanh, phân loại mô phỏng quy trình kinh doanh.</p> <p>+ Ứng dụng các phần mềm để mô phỏng kết hợp với các bài toán mô phỏng quy trình kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Triển khai sử dụng ngôn ngữ UML/BPMN để thiết kế quy trình kinh doanh, sử dụng mô hình để phân tích quy trình kinh doanh</p> <p>+ Phân tích các chỉ tiêu để đo lường kết quả và hiệu quả quy trình kinh doanh</p> <p>+ Lập kế hoạch quản trị quá trình</p>	30	15	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>kinh doanh cho doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Đề xuất một kỹ thuật phân tích quy trình kinh doanh và cải tiến quy trình kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp 				
47	KTPT169	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý, hành vi khách hàng như khái niệm, đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu tâm lý, hành vi khách hàng + Phân tích được quá trình nhận thức và ghi nhớ của khách hàng + Xác định được những nhân tố ảnh hưởng đến tâm lý, hành vi khách hàng + Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về tâm lý, hành vi khách hàng như động cơ, hành vi, thái độ, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý và hành vi khách hàng - Về kỹ năng: + Phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý, hành vi khách hàng trước khi mua sắm, trong khi mua sắm và sau khi mua sắm; quá trình nhận thức và ghi nhớ của khách hàng khi lựa chọn và đưa ra quyết định mua sản phẩm bất kỳ + Thực hiện được các kỹ năng phát triển nghề khác: kỹ năng nhóm, kỹ năng giao tiếp,... + Vận dụng những đặc điểm tâm lý, hành vi khách hàng vào quá trình xây dựng chiến lược Marketing, chiến lược kinh doanh phù hợp với từng mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp trong 	30	15	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				từng giai đoạn nhất định + Tổng hợp, phân tích và đánh giá để đưa ra chiến lược Marketing - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp. + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau				
2.3	Kiến thức chuyên ngành (chọn 6 môn x 3TC)		18					
2.3.1	Quản trị kinh doanh tổng hợp		18					
48	KTKD12 4	Quản trị chất lượng	3	- Về kiến thức: + Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị chất lượng bao gồm khái niệm, vai trò của chất lượng và quản trị chất lượng, các công cụ quản lý chất lượng, nhóm chất lượng, phương pháp quản lý chất lượng, hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, văn hóa chất lượng - Về kỹ năng: + Có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin, tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết và xử lý vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị chất lượng + Vận dụng nội dung lý thuyết vào dẫn dắt, khởi sự kinh doanh,	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>+ Phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá các hoạt động quản trị chất lượng tại doanh nghiệp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
49	KTKD12 5	Quản trị sự thay đổi	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị sự thay đổi: khái niệm, quy trình, bản chất, sự cần thiết phải quản trị sự thay đổi, phân loại thay đổi, các bước tiến hành thay đổi.</p> <p>+ Nhận biết được các tác nhân thay đổi bên ngoài và bên trong của tổ chức, các yếu tố cản trở sự thay đổi</p> <p>+ Phân tích hiện trạng và lập kế hoạch thay đổi cho tổ chức</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng thực hiện và kiểm soát sự thay đổi và phát triển của tổ chức</p> <p>+ Biết ứng dụng truyền thông trong thay đổi tổ chức</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức để giải quyết các vấn đề thay đổi trong tổ chức</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của sự thay đổi và đưa ra phương</p>	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				hương thay đổi cho tổ chức nhằm giúp tổ chức phát triển bền vững				
50	KTKD12 6	Quản trị công nghệ	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về: khái niệm công nghệ và quản trị công nghệ, các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ, mục đích và nguyên tắc đánh giá công nghệ, cơ sở xác định công nghệ thích hợp, chỉ tiêu đánh giá năng lực công nghệ, dự báo công nghệ quá trình đổi mới và quản lý đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, thực hiện nghiệp vụ chuyên giao công nghệ, chiến lược c/oông nghệ cho doanh nghiệp</p> <p>+ Vận dụng thực hiện nghiệp vụ chuyên giao công nghệ vào trong thực tế, giải thích sự tác động của môi trường vào công nghệ.</p> <p>+ Đánh giá sự đổi mới công nghệ trong bối cảnh kinh tế, phương pháp dự báo công nghệ</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng các chỉ tiêu đánh giá công nghệ, phương pháp lựa chọn công nghệ khả thi, kỹ thuật dự báo công nghệ</p> <p>+ Lý giải các nguyên nhân dẫn đến chuyên giao công nghệ trong doanh nghiệp</p> <p>+ Vận dụng các phương pháp đánh giá và tính toán để lựa chọn công nghệ thích hợp cho doanh nghiệp, phân tích năng lực công nghệ của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế hội nhập</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Đề xuất kế hoạch công nghệ, thiết kế ý tưởng công nghệ mới</p>	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				cho doanh nghiệp				
51	KTKD12 7	Quản trị văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị văn phòng bao gồm khái quát được khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng, khái niệm quản trị văn phòng sự cần thiết của việc quản trị thời gian, công cụ và hệ thống lưu trữ hồ sơ, nguyên tắc soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính, lễ tân và vai trò của công tác lễ tân, khái niệm, chức năng, nguyên tắc công tác</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị văn phòng bao gồm các kiến thức trong quản trị văn phòng để sắp xếp, chuẩn bị công tác, tổ chức các cuộc họp không nghi thức, các cuộc họp theo nghi thức, xử lý các công văn giấy tờ trong tổ chức, tổ chức các hoạt động đón tiếp khách, tổ chức tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ trong cơ quan nhằm giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị văn phòng để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá các hoạt động quản trị văn phòng trong các doanh nghiệp.</p> <p>+ Thực hiện được các bước công việc trong công tác quản trị văn</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>phòng đối với một doanh nghiệp; Có khả năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p>				
52	KTKH13 1	Quản trị chuỗi cung ứng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những khái niệm cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng; hiểu được vai trò và cách thức quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.</p> <p>+ Áp dụng các mô hình phân tích để đưa ra các quyết định trong chuỗi cung ứng</p> <p>+ Phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phát triển kỹ năng vận dụng cơ sở lý luận về quản trị chuỗi cung ứng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề khác nhau trong chuỗi cung ứng.</p>	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Phát triển năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế. + Hành động trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. 				
53	KTKD12 8	Quản trị rủi ro	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị rủi ro bao gồm khái niệm, khái niệm, phân loại rủi ro, khái niệm nguyên tắc và quy trình quản trị rủi ro; Một số loại rủi ro chủ yếu trong hoạt động của doanh nghiệp, nội dung và quy trình thực hiện hoạt động quản trị rủi ro - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức về nhận diện, phân tích và đo lường rủi ro để tổng hợp, đánh giá, và phân tích những rủi ro trong lĩnh vực quản trị kinh doanh + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị rủi ro trong lĩnh vực quản trị kinh doanh + Phân tích, đánh giá các yếu tố rủi đến hoạt động quản trị từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các rủi ro trong quá trình quản trị 	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp, đề xuất ý kiến quản rủi ro tại tổ chức + Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập quản trị rủi ro				
54	KTKD12 9	Quản trị hậu cần	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các vấn đề cốt lõi về: quản trị hậu cần, hoạt động hậu cần, sản phẩm hậu cần. dịch vụ hậu cần, quá trình xử lý đơn hàng, phương tiện vận tải và lộ trình vận tải</p> <p>+ Nắm được đặc điểm của sản phẩm hậu cần, vận tải quốc tế và lịch trình vận tải, cách tập hợp hàng hóa, cách quản lý hậu cần, lựa chọn nhà cung ứng, hoạt động kinh tế</p> <p>+ Vận dụng để phân tích mối quan hệ giữa doanh thu – dịch vụ, xác định được thời gian chu kỳ đặt hàng trong năm, mức dịch vụ tối ưu cho doanh nghiệp, mức cước phí hiệu quả, chi phí cho từng phương án vận chuyên.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Lý giải được tại sao phải dùng nguyên lý Pareto và kỹ thuật phân tích ABC, phải phân loại hàng dữ trữ để quản lý hậu cần có hiệu quả, sự ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình xử lý đơn hàng</p> <p>+ Phân tích và đưa ra phương pháp vận tải hàng hóa phù hợp cho doanh nghiệp, xây dựng chương trình hành động hậu cần phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp.</p> <p>+ Vận dụng quản trị kênh phân</p>	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				phối trong doanh nghiệp và kiểm soát hoạt động mua hàng trong doanh nghiệp, đưa ra cách quản trị hệ thống hàng dự trữ phù hợp với doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Đề xuất kế hoạch quản lý hậu cần cho doanh nghiệp				
55	KTKD13 0	Quản trị đa văn hóa	3	- Về kiến thức: + Trình bày bản chất, chức năng của hội đồng quản trị và các thành viên trong ban kiểm soát. Liệt kê được các thành viên trong đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban quản trị công ty cùng với chức năng và nhiệm vụ của họ - Về kỹ năng: + Vận dụng quy định của pháp luật vào việc xây dựng mô hình quản trị công ty + Chuẩn hóa và thành thạo nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản lý hoạt động kinh doanh + Tổng hợp các nội dung lý thuyết để đánh giá các mô hình cơ cấu tổ chức của ban quản trị công ty và xác định chức năng nhiệm vụ phù hợp với quy mô kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập	27	18	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				trong các tiết học và thảo luận.				
56	KTPT106	Quản trị bán hàng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị bán hàng, nhận thức về nhà quản trị bán hàng bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty</p> <p>+ Nhận thức được tầm ảnh hưởng của quản trị bán hàng trong doanh nghiệp</p> <p>+ Phân tích và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng</p> <p>+ Nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị bán hàng trong doanh nghiệp</p> <p>+ Nắm được cách thức tổ chức quản lý hoạt động bán hàng trong doanh nghiệp của nhà quản trị.</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức về quản trị bán hàng đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.</p> <p>+ Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị bán hàng</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo</p>	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. + Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.				
57	KTPT124	Quản trị kênh phân phối	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và Trình bày được những kiến thức cơ bản về kênh phân phối như khái niệm, môi trường và hành vi trong kênh phân phối, kiến thức về giá, xúc tiến hỗn hợp, quản trị, chiến lược phân phối</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản trị kênh phân phối làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức về kênh phân phối</p> <p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kênh phân phối để khai thác các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh</p> <p>+ Sử dụng những kiến thức đã học để phân tích đánh giá kênh phân phối, giải quyết các vấn đề trong quá trình xây dựng, hoạt động, quản trị kênh phân phối</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng vận dụng lý thuyết, tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh vào tình huống thực tiễn của quá trình xây dựng kênh phân phối và quản trị kênh phân phối</p> <p>+ Có kỹ năng xác định và lựa chọn triển khai mô hình kênh phân phối phù hợp với từng loại hình kinh doanh đặc thù, giải thích được lý do</p>	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện và duy trì công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh các vấn đề trong hoạt động quản trị kênh phân phối + Hình thành và cải thiện kỹ năng tư duy, giao tiếp, thảo luận và hoạt động nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, chủ động tham gia thảo luận nhóm và phối hợp với các thành viên khác trong lớp/nhóm + Tự giác và có trách nhiệm đối với việc chuẩn bị bài ở nhà, hoạt động nhóm, tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài 				
58	KTKD13 1	Quản trị năng suất	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, vai trò của năng suất và quản trị năng suất. Liệt kê và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động năng suất. - Về kỹ năng: + Giải thích và vận dụng lý thuyết về công cụ và mô hình đo lường năng suất doanh nghiệp để hoạch định năng suất + Chuẩn hóa và thành thạo nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị năng suất doanh nghiệp + Tổng hợp các mô hình đo lường năng suất để đánh giá và đưa ra các biện pháp nâng cao năng suất doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi 	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
2.3.	Quản trị kinh doanh bất		18					
2	động sản							
48	QĐQB14 9	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các khái niệm, bản chất, chức năng của nhà nước, bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phân tích các nguyên tắc, nội dung trong quản lý hành chính nhà nước. Trình bày và phân tích các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nắm vững các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản trên internet; Soạn thảo được các văn bản hành chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai bất động sản</p> <p>+ Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước về đất đai; có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các tình huống pháp luật, phối hợp và hỗ trợ nhau trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách</p>	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý Nhà nước; quản lý Nhà nước về đất đai về chức năng quản lý Nhà nước, nguyên tắc quản lý Nhà nước, công cụ quản lý Nhà nước, phương pháp quản lý Nhà nước... + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý Nhà nước nói chung và công tác quản lý Nhà nước về đất đai và Bất động sản nói riêng.				
49	KTKD13 2	Quản lý đô thị	3	- Về kiến thức: + Hiểu được các kiến thức cơ bản về Quản lý đô thị và các yếu tố của quản lý đô thị; bộ máy QLNN đối với đô thị; Phân cấp, phân quyền phối hợp giữa các bộ phận trong bộ máy QLNN về đô thị + Áp dụng được mô hình lý thuyết và công cụ để phân tích chính sách, tổ chức thực hiện, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình về các vấn đề như Quản lý lập và xét duyệt quy hoạch đô thị; Các chính sách quản lý tăng trưởng kinh tế đô thị; Quản lý đất đai, nhà ở đô thị; Quản lý dân số đô thị; Quản lý lao động và việc làm đô thị; quản lý kết cấu hạ tầng đô thị; môi trường đô thị và sự phát triển kinh tế đô thị; Quản lý văn hóa giáo dục và y tế đô thị; Cấu trúc và mô hình phát triển khu đô thị mới.	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>+ Hiểu được Quản lý lập và xét duyệt quy hoạch đô thị; Các chính sách quản lý tăng trưởng kinh tế đô thị; Quản lý đất đai, nhà ở đô thị; Quản lý dân số đô thị; Quản lý lao động và việc làm đô thị; quản lý kết cấu hạ tầng đô thị; môi trường đô thị và sự phát triển kinh tế đô thị.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề trong thực tiễn quản lý đô thị.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách ...trong quản lý đô thị</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p>				
50	KTKD13 3	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về quy hoạch cảnh quan, các nguyên tắc của quy hoạch cảnh quan tại vùng nông thôn và đô thị. Phân tích và chỉ ra sự khác biệt giữa các loại hình cảnh quan tại các khu vực khác nhau.</p> <p>+ Áp dụng được quy hoạch cảnh quan để phân tích quy luật bố cục trong quy hoạch áp dụng đối với khu vực nông thôn và thành thị</p> <p>+ Hiểu được thiết kế cảnh quan và quy hoạch tại các khu vực nông thôn và thành thị trong lĩnh vực quản trị kinh doanh bất động sản</p> <p>- Về kỹ năng:</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện thiết kế cảnh quan theo quy trình từ lập sơ đồ đến thiết kế hoàn chỉnh. + Thể hiện được kỹ năng thiết kế kiến trúc đô thị và cảnh quan để đảm bảo về yêu cầu thị giác và phi thị giác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập 				
51	QĐQB150	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày và giải thích kiến thức cơ bản về Thống kê, kiểm kê đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Đăng ký bất động sản và cấp Giấy chứng nhận. + Vận dụng kiến thức để xác định và phân tích các nội dung, tình huống về thống kê, kiểm kê đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký bất động sản và cấp Giấy chứng nhận (xác định mã mục đích sử dụng đất; mã đối tượng sử dụng, quản lý đất; người chịu trách nhiệm đăng ký, điều kiện cấp giấy chứng nhận; hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận; tổng hợp biểu mẫu thống kê; ...) + Tổng hợp kiến thức cho ý kiến, bình luận về tình huống thực tiễn trong thống kê, kiểm kê đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Đăng ký bất động sản và cấp Giấy chứng nhận. + Tổng hợp và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất, đồng thời áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký, 	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thống kê đất đai và bất động sản vào quá trình thực hiện tại các đơn vị hành chính các cấp;</p> <p>+ Vận dụng kiến thức thực hiện xác định mã mục đích sử dụng đất; mã đối tượng sử dụng, quản lý đất; người chịu trách nhiệm đăng ký, thẩm quyền và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; Tổng hợp được các biểu thống kê, kiểm kê đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo từng cấp đơn vị hành chính; Tổng hợp được hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trong các trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Tổng hợp và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất, đồng thời áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản vào quá trình thực hiện tại các đơn vị hành chính các cấp;</p> <p>+ Cải thiện kỹ năng thuyết trình; soạn thảo văn bản, hồ sơ liên quan đến đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản.</p> <p>+ Chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ về đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản.</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
52	KTKD13 4	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Liệt kê khái quát về quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản, thị trường môi giới bất động sản, đầu tư, kinh doanh bất động sản và các quy trình, kỹ năng, chính sách pháp luật về môi giới bất động sản</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Áp dụng lý thuyết và xử lý các tình huống thực tế phát sinh trong quá trình quản lý và điều hành sàn giao dịch, môi giới bất động sản.</p> <p>+ Phát triển được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Hình thành những quyết định trong kinh doanh giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tập trung lắng nghe và chủ động lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Tiếp thu chủ động và đề xuất các chiến lược kinh doanh để có hướng phân đầu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn</p>	36	09	90	
53	KTKD13 5	Kinh doanh bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về Bất động sản; Thị trường Bất động sản; Kinh doanh và kinh doanh bất động sản; Một số quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; Lập phương án kinh doanh BĐS; Quản trị tài chính trong doanh nghiệp kinh doanh</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>bất động sản; Quản trị Marketing bất động sản; vai trò, nguyên tắc, môi giới bất động sản; Quy trình môi giới bất động sản; Kỹ năng môi giới bất động sản; E – Marketing trong môi giới bất động sản.</p> <p>+ Áp dụng được hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản; Quản lý bất động sản</p> <p>+ Hiểu được môi giới bất động sản; thị trường bất động sản; Cung và cầu trong thị trường bất động sản; Phân tích thị trường bất động sản; Quy trình thẩm định giá bất động sản; Phương pháp thẩm định giá bất động sản; Thông tin và hồ sơ bất động sản</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện kinh doanh bất động sản, thực hiện việc thẩm định, môi giới bất động sản</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách ...trong kinh doanh bất động sản</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p>				
54	KTKD13 6	Đầu tư và tài chính bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được được kiến thức chuyên sâu về đầu tư và tài chính bất động sản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh bất động sản</p> <p>+ Ứng dụng trong phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề trong thực tiễn quản lý.</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong đầu tư kinh doanh bất động sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách ...trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản</p> <p>+ Áp dụng thành thạo các công cụ phân tích quyết định quản lý trong phạm vi chuyên môn công việc</p> <p>+ Lập, phản biện và chịu trách nhiệm với các đề xuất chính sách trong lĩnh vực chuyên môn;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự tin và kiểm soát tốt bản thân trong truyền đạt và thảo luận các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đảm nhiệm;</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính am hiểu trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>+ Tự tin và kiểm soát tốt bản thân trong truyền đạt và thảo luận các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản đảm nhiệm;</p>				
55	QĐKQ10 7	Quy hoạch sử dụng đất	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Sinh viên hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về đất đai, sử dụng đất, quy hoạch đất đai; Khái niệm, chức năng, vai trò đất đai, khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng đất. Khái niệm, đặc điểm, hệ thống, cơ sở pháp lý, nội dung của quy hoạch</p>	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>sử dụng đất</p> <p>+ Sinh viên áp dụng được những kiến thức cơ bản về cơ sở pháp lý về quy hoạch sử dụng đất đai, hệ thống bảng biểu dùng trong lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất để xây dựng các biểu hiện trạng sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chu chuyển đất đai... trình tự xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để tính toán số liệu trong các biểu đất đai theo quy định trong lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất, tính toán được các bài toán về dự báo nhu cầu sử dụng đất cho tương lai</p> <p>+ Sinh viên vận dụng tất cả kiến thức đã học để lập phương án quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Rèn luyện thái độ và ý thức làm việc nhóm, tập thể; có năng lực tổng hợp, đánh giá và lập kế hoạch.</p> <p>+ Có tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.</p>				
56	KTKD13 7	Tổ chức thi công xây dựng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình về các vấn đề như thiết kế tổ chức xây dựng; Thi công xây dựng, công tác chuẩn bị thi công; Văn bản thiết kế tổ chức thi công công trình; Tổ chức hoạt động xây lắp công</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>trình; thiết kế tổ chức thi công công trình đơn vị, công trình nhiều hạng mục;</p> <p>+ Áp dụng được Lập kế hoạch tiến độ thi công công trình đơn vị, công trình nhiều hạng mục; Tổ chức thi công và đánh giá về các biện pháp tổ chức thi công đã lập; Trình tự thiết kế tổng mặt bằng thi công xây dựng công trình; Thiết kế mặt bằng thi công hạng mục công trình; Thiết kế tổng mặt bằng toàn công trường thi công nhiều hạng mục;</p> <p>+ Hiểu được Tổ chức vận chuyển và thiết kế hệ thống giao thông công trường; Quản lý chất lượng thi công và chất lượng công trình trong giai đoạn xây lắp; An toàn thi công và văn minh thi công.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện Tổ chức vận chuyển và thiết kế hệ thống giao thông công trường</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng Quản lý chất lượng thi công và chất lượng công trình trong giai đoạn xây lắp; An toàn thi công và văn minh thi công.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p>				
57	KTKD13 8	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư. Nội dung của phân tích tình hình kinh tế xã hội thị trường và kỹ thuật của dự án đầu tư bất động sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>+ Vận dụng kiến thức để phân tích, tổng hợp và đo lường tình hình tài chính và kinh tế xã hội của dự án đầu tư bất động sản</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống thực tế trọng hoạt động kinh doanh bất động sản trên thị trường bất động sản, so sánh và lựa chọn dự án bất động sản. Liên hệ với thực tế quản trị kinh doanh bất động sản trên thị trường bất động sản của doanh nghiệp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết tình huống lựa chọn dự án đầu tư bất động sản</p> <p>+ Tổng hợp lý thuyết và số liệu của doanh nghiệp từ đó đưa ra nhận xét đánh giá về hoạt động kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp nói riêng và thị trường bất động sản của Việt Nam nói chung</p> <p>+ Trình bày những ý tưởng, lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản, dựa trên việc thẩm định và so sánh các dự án bất động sản chỉ ra cơ hội kinh doanh trên thị trường kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp</p>				
58	KTKD13 9	Phát triển dự án bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận tổng quát về bất động sản. Nội dung phân tích kinh tế bất động sản cũng như định giá bất động sản</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng sáng tạo các kiến</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thức đã học hiểu rõ triển vọng sự phát triển của hoạt động quản lý bất động sản trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong hoạt động đầu tư phát triển bất động sản, làm cơ sở cho những định hướng chiến lược nhằm phát triển thị trường bất động sản đa dạng, đa chức năng</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống thực tế trọng hoạt động kinh doanh bất động sản trên thị trường bất động sản</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết tình huống lựa chọn và phát triển các dự án đầu tư bất động sản</p> <p>+ Tổng hợp lý thuyết và số liệu của doanh nghiệp từ đó đưa ra nhận xét đánh giá về hoạt động phát triển dự án bất động sản của doanh nghiệp nói riêng và thị trường bất động sản của Việt Nam nói chung</p> <p>+ Trình bày những ý tưởng, lập và quản lý và phát triển các dự án đầu tư bất động sản, dựa trên cơ sở khoa học quản lý nói chung, đến những vấn đề tổ chức đầu tư bất động sản, quản lý bất động sản thương mại (kinh doanh, giao dịch trên thị trường)</p>				
2.3.3	Quản trị văn phòng		18					
48	KTKD12 7	Quản trị văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị văn phòng bao gồm khái quát</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>được khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng, khái niệm quản trị văn phòng sự cần thiết của việc quản trị thời gian, công cụ và hệ thống lưu trữ hồ sơ, nguyên tắc soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính, lễ tân và vai trò của công tác lễ tân, khái niệm, chức năng, nguyên tắc công tác</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị văn phòng bao gồm các kiến thức trong quản trị văn phòng để sắp xếp, chuẩn bị công tác, tổ chức các cuộc họp không nghi thức, các cuộc họp theo nghi thức, xử lý các công văn giấy tờ trong tổ chức, tổ chức các hoạt động đón tiếp khách, tổ chức tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ trong cơ quan nhằm giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị văn phòng để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá các hoạt động quản trị văn phòng trong các doanh nghiệp.</p> <p>+ Thực hiện được các bước công việc trong công tác quản trị văn phòng đối với một doanh nghiệp; Có khả năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nhiệm: + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.				
49	KTKD14 0	Phương pháp soạn thảo văn bản	3	- Về kiến thức: + Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản về phương pháp soạn thảo văn bản để giải quyết các vấn đề hành chính trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp + Phân tích được kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu - Về kỹ năng: + Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai các vấn đề liên quan đến công tác soạn thảo các văn bản thường dùng hay văn bản khoa học kinh tế + Thực hiện được các bước công việc trong công tác soạn thảo văn bản cụ thể đối với một doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội. + Duy trì khả năng học tập, tích	32	13	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.				
50	KTKD14 1	Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức về nghiệp vụ văn thư – lưu trữ vào trong công việc thực tế tại các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.</p> <p>+ Phân tích được kiến thức cơ bản trong công tác văn thư – lưu trữ làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, triển khai và đánh giá các công tác văn thư – lưu trữ trong các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.</p> <p>+ Thực hiện xây dựng và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ văn thư – lưu trữ.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>	31	14	90	
51	KTKD14 2	Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề chung về nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp; nghiệp vụ tham mưu,</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tổng hợp trong các lĩnh vực chuyên môn; trong công tác hành chính; trong công tác tổng hợp thông tin; trong công tác hậu cần; trong công tác đối ngoại, thi đua khen thưởng.</p> <p>+ Giải thích được nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp về nhân sự, hành chính, pháp chế, thi đua khen thưởng, công tác hậu cần, tổng hợp thông tin và công tác đối ngoại.</p> <p>+ Áp dụng thành thạo các nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp trong quản trị văn phòng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp trong quản trị hành chính</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thích ứng nhanh trong việc quyết định xử lý tình huống trong quản trị văn phòng.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập; tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác quản trị văn phòng.</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp.</p>				
52	KTKD14 3	Quản lý tài sản cơ quan	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản lý tài sản cơ quan bao tài sản, mục đích của công tác quản lý tài sản, phân loại tài sản trong cơ</p>	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>quan, những yêu cầu đối với công tác quản lý tài sản trong cơ quan, vai trò của công tác quản lý tài sản, quản lý nhà nước về tài sản và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, quy trình quản lý tài sản cơ quan, nhằm làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản lý tài sản cơ quan bao gồm quản lý tài sản thuộc khu vực hành chính sự nghiệp, tại doanh nghiệp, các phương pháp, quy trình định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, xác định giá trị doanh nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản lý tài sản để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>+ Thực hiện được các công việc liên quan đến quản lý tài sản đối với một doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				cá nhân, tổ chức và xã hội, tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.				
53	KTKD14 4	Nghiệp vụ thư ký	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến nghiệp vụ thư ký bao gồm nghiệp vụ thu thập và cung cấp thông tin cho lãnh đạo, cơ quan; tiếp- đãi khách; tổ chức hội họp; tổ chức chuyến đi công tác cho lãnh đạo, cơ quan; soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường liên quan đến các nghiệp vụ chuyên môn của người thư ký văn phòng nhằm làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến nghiệp vụ thư ký bao gồm Các nguyên tắc cũng như quy trình thực hiện một số nghiệp vụ hành chính văn phòng trong cơ quan như tiếp khách, soạn thảo các văn bản, lưu trữ hồ sơ giấy tờ nhằm giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghiệp vụ thư ký văn phòng để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh</p> <p>+ Thực hiện được các bước công</p>	28	17	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>việc trong công tác thư ký văn phòng đối với một doanh nghiệp; Có khả năng dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi</p>				
54	KTKD14 5	Văn hóa công sở	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến văn hóa công sở bao gồm Khái niệm văn hóa và văn hóa công sở, Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng văn hóa công sở, một vài nét đặc trưng văn hóa giao tiếp công sở của Việt Nam cũng như một số quốc gia, những yếu tố cấu thành văn hóa công sở, vai trò của văn hóa giao tiếp nơi công sở nhằm làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến văn hóa công sở bao gồm những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng văn hóa công sở, những yếu tố cấu thành văn hóa công sở, các mối quan hệ ứng xử trong công sở nhằm giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp.</p>	37	08	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về văn hóa công sở để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>+ Thực hiện được các công việc liên quan đến văn hóa công sở đối với một doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p>				
55	KTKD14 6	Tổ chức sự kiện trong văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản về tổ chức sự kiện trong văn phòng để giải quyết các vấn đề trong cơ quan, tổ chức và các doanh nghiệp.</p> <p>+ Phân tích được kiến thức cơ bản trong công tác tổ chức sự kiện và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, hoạch định và triển khai tổ chức các sự kiện trong văn phòng tại các cơ</p>	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>quan, tổ chức và các doanh nghiệp.</p> <p>+ Kết hợp được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
56	KTKD14 7	Lễ tân văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức về lễ tân, lễ tân văn phòng vào trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.</p> <p>+ Phân tích được kiến thức cơ bản trong công tác lễ tân văn phòng làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện phân tích, hoạch định, triển khai các công tác lễ tân văn phòng trong các doanh nghiệp chung và các tổ chức, cơ quan nói riêng.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p>	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội. + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. 				
57	KTKD14 8	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các vấn đề căn bản về thông tin, thu thập và xử lý thông tin, hệ thống thông tin; công tác tổ chức văn phòng. + Giải thích được vai trò của thu thập và xử lý thông tin; vai trò, chức năng, nhiệm vụ của văn phòng. + Áp dụng thành thạo các công cụ thu thập thông tin, xử lý thông tin và cung cấp thông tin phục vụ cho công tác điều hành hoạt động của doanh nghiệp. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn trong công tác thu thập và xử lý thông tin. + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thích ứng nhanh trong việc quyết định xử lý tình huống trong thu thập và xử lý thông tin. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập; tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác thu thập và xử lý thông tin. + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ thu thập và xử 	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				lý thông tin.				
58	KTKD14 9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về công tác văn phòng; ứng dụng công nghệ thông tin về công tác văn phòng; khai thác tài nguyên trên internet; lưu trữ dữ liệu trên máy tính; sử dụng trang thiết bị văn phòng.</p> <p>+ Giải thích được vai trò của khai thác tài nguyên trên internet, lưu trữ dữ liệu trên máy tính.</p> <p>+ Áp dụng thành thạo trong việc sử dụng các thiết bị văn phòng, sử dụng phần mềm văn phòng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thích ứng nhanh trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập; tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng.</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng.</p>	36	09	90	
2.3.4	Kinh doanh thương mại		18					
48	KTKD15 0	Kinh doanh thương mại	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và nắm được những vấn đề cơ bản về tổng quan, khái quát</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>chung về kinh doanh thương mại và môi trường kinh doanh thương mại, bao gồm môi trường kinh doanh vĩ mô và môi trường ngành, phân tích được các loại hình, cách tổ chức kinh doanh thương mại, hệ thống phân phối và mạng lưới kinh doanh.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để nhận biết được đại lý thương mại và cách tổ chức của đại lý thương mại trong thực tiễn, nhận biết được đặc điểm và sự cần thiết của việc mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để nắm bắt được các phương thức kinh doanh thương mại cũng như phân biệt được các phương thức đó để áp dụng vào thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tình trạng của từng tình huống cụ thể để áp dụng các lý thuyết cũng như công cụ thích hợp vào việc phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tổ chức, phân phối và mạng lưới kinh doanh thương mại.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và làm bài tập để xác định được các phương thức kinh doanh thương mại phù hợp với từng tình huống được đặt ra một cách đúng đắn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh</p>				

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				tế. + Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.				
49	KTKD15 1	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	- Về kiến thức: + Hiểu, phân tích được việc đàm phán và ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu, việc tổ chức thực hiện hợp đồng và các nội dung quan trọng thực hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng bao gồm: vận tải giao nhận hàng hóa, bảo hiểm hàng hóa quốc tế và nghiệp vụ thanh toán quốc tế. + Vận dụng những kiến thức đã học để tổ chức việc đàm phán, giao dịch và ký kết hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu trong từng tình huống cụ thể. + Vận dụng những kiến thức đã học để tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu và đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, nội dung của các công việc trong hoạt động vận tải và giao nhận hàng hóa, bảo hiểm hàng hóa, thanh toán quốc tế trong kinh doanh xuất nhập khẩu - Về kỹ năng: + Có khả năng phân tích vấn đề, tình trạng của từng tình huống cụ thể để áp dụng các lý thuyết cũng như công cụ thích hợp vào việc soạn thảo hợp đồng kinh doanh, các điều kiện điều khoản hợp đồng, các nội dung liên quan khác của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. + Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và làm bài tập	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tình huống liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu như vận tải, bảo hiểm hàng hóa, nghiệp vụ thanh toán quốc tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p>				
50	KTKD15 2	Bao bì và thương hiệu hàng hóa	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu, phân tích được những lý thuyết liên quan đến nghiệp vụ bao bì và đóng gói hàng hóa, tổng quan về thương hiệu hàng hóa và cách xây dựng thương hiệu hàng hóa.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng trong việc quản trị thương hiệu hàng hóa, bao gồm hoạch định chiến lược, hoàn thiện hệ thống, bảo vệ thương hiệu và triển khai các hoạt động quảng cáo thương hiệu.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để phát triển thương hiệu thông qua việc quản lý tài sản thương hiệu, phát triển và khai thác thương hiệu, nhận diện được vai trò của quản lý Nhà nước trong xây dựng thương hiệu.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tình trạng của từng tình huống cụ thể để áp dụng các lý thuyết cũng</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>như công cụ thích hợp vào việc đánh giá thông tin kinh doanh, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc quản trị bao bì và thương hiệu doanh nghiệp</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và làm bài tập đề tính toán và xác định sự ảnh hưởng của các tình huống kinh doanh, tổng hợp được kinh nghiệm trong kinh doanh, áp dụng vào thực tiễn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p>				
51	KTKD15 3	Thương mại quốc tế	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu, phân tích được những lý thuyết cổ điển và hiện đại về Thương mại quốc tế và biết cách vận dụng trong từng tình huống cụ thể.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để phân biệt được các công cụ thuế quan và phi thuế quan cũng như việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trong từng thời điểm thích hợp.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để nắm bắt được những mối liên kết trong thương mại quốc tế cũng như tính tất yếu của việc hội nhập thương mại quốc tế của Việt Nam.</p>	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tình trạng của từng tình huống cụ thể để áp dụng các lý thuyết cũng như công cụ thích hợp vào việc phân loại, giải quyết tình huống cũng như xác định trạng thái của thị trường.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và làm bài tập để tính toán và xác định sự ảnh hưởng của các công cụ thuế quan và phi thuế quan trong thương mại quốc tế, nắm được tác động của liên kết thương mại quốc tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p>				
52	KTKD15 4	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những cơ sở lý luận về hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh; Xác định được nội dung và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động giao dịch, đàm phán; các phong cách đàm phán</p> <p>+ Tổ chức được hoạt động giao dịch và đàm phán kinh doanh</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng hùng biện; kỹ năng thương lượng; khả năng tự chủ và thực hiện những lễ nghi trong giao dịch đàm phán; khả năng</p>	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>xem xét, ứng xử trước những kiểu người khác nhau</p> <p>+ Xây dựng và phát triển nhóm hoạt động hiệu quả và áp dụng các kiểu lãnh đạo phù hợp với các tình huống cụ thể trong hoạt động kinh doanh. Phân tích được những khác biệt do ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh của con người qua những khác biệt và biết cách vận dụng những khác biệt về văn hoá để đạt được thành công trong giao dịch, đàm phán</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức được học để tổ chức một cuộc giao dịch và đàm phán kinh doanh trong công việc; hoặc giải quyết được các tình huống giao dịch đàm phán kinh doanh diễn ra trong thực tế</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực tự nghiên cứu, nâng cao kiến thức, tạo lập trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị vận hành trong doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc chuyên nghiệp</p> <p>+ Vận dụng các cách ứng xử, chiến thuật, nguyên tắc và các phong cách đàm phán phù hợp khi gặp các tình huống trong giao dịch, đàm phán kinh doanh nói riêng và trong giao tiếp hàng ngày nói chung</p>				
53	KTKD15 5	Nghiệp vụ mua bán hàng hóa ở	3	- Về kiến thức: + Hiểu được những cơ sở lý luận	33	12	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		doanh nghiệp thương mại		<p>về nghiệp vụ mua bán hàng hoá ở doanh nghiệp thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện được nghiệp vụ mua bán hàng hoá ở doanh nghiệp thương mại - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện các kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thương lượng; khả năng tự chủ và thực hiện những thủ tục trong nghiệp vụ mua bán hàng hoá ở doanh nghiệp thương mại + Xây dựng nhóm hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực mua bán hàng hoá ở doanh nghiệp thương mại. + Vận dụng những kiến thức được học để thực hiện các nghiệp vụ mua bán hàng hoá ở doanh nghiệp thương mại diễn ra trong thực tế - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ + Tạo lập trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị vận hành trong doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc chuyên nghiệp 				
54	KTKD15 6	Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên mô tả được các khái niệm, nguyên tắc quản trị các yếu tố của kinh doanh thương mại quốc tế + Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích môi trường, phân tích thông tin và quyết định quản trị, hoạch định các chiến lược, kế hoạch, chính 	30	15	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>sách và chương trình - dự án kinh tế, xã hội</p> <p>+ Sinh viên giải thích được các chiến lược kinh doanh thương mại quốc tế, quản trị nghiệp vụ kinh doanh thương mại quốc tế và các phương thức thâm nhập thị trường thương mại quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phát triển và ứng dụng các chiến lược kinh doanh thương mại quốc tế trong việc kinh doanh thương mại của doanh nghiệp.</p> <p>+ Ứng dụng linh hoạt các chiến lược kinh doanh thương mại quốc tế vào thực tiễn doanh nghiệp thương mại.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn trong hoạt động buôn bán thương mại quốc tế</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p>				
55	KTKH11 8	Nghiệp vụ hải quan	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức cơ bản để giải quyết các tình huống liên quan đến nghiệp vụ hải quan.</p> <p>+ Phân tích và đánh giá thực tiễn nghiệp vụ hải quan trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phát triển kỹ năng vận dụng</p>	32	13	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nghiệp vụ hải quan vào thực tiễn. + Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề khác nhau liên quan đến nghiệp vụ hải quan. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Phát triển năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc thay đổi. + Hành động trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.				
56	KTKT126	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế	3	- Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về thanh toán quốc tế như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thanh toán quốc tế; rủi ro trong thanh toán quốc tế; giao dịch thương mại liên quan đến thanh toán quốc tế. + Hiểu được những vấn đề cơ bản về chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối và kinh doanh thương mại quốc tế, các phương tiện trong thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế và tín dụng thương mại quốc tế. + Áp dụng được những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thanh toán quốc tế và tín dụng thương mại quốc tế. Phân tích, đánh giá được các rủi ro trong thanh toán quốc tế và các bên liên quan trong thanh toán quốc tế; Xây dựng mối liên hệ giữa phương thức thanh toán quốc tế và hoạt động xuất nhập	32	13	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>khâu.</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức đã học để phân tích và đánh giá các vấn đề thanh toán quốc tế, từ đó đưa ra giải pháp sử dụng hiệu quả các phương tiện thanh toán và phương thức thanh toán trong bối cảnh biến động về tỷ giá hối đoái, đưa ra những nhận định về rủi ro và các cơ hội đầu tư trên thị trường ngoại hối.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tìm ra những điểm mấu chốt về hoạt động thanh toán quốc tế và tín dụng quốc tế.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
57	KTKD15 7	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp thương mại, khái niệm và các yếu tố của chiến lược kinh doanh thương mại, quá trình quản trị chiến lược kinh doanh của doanh</p>	28	17	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nghiệp thương mại - Về kỹ năng: + Có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin, tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết và xử lý vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại + Vận dụng nội dung lý thuyết vào dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác. + Phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá các hoạt động quản trị chiến lược kinh doanh tại doanh nghiệp thương mại - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các hoạt động trong quá trình quản trị chiến lược kinh doanh tại doanh nghiệp thương mại + Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập quản trị chiến lược kinh doanh tại doanh nghiệp thương mại				
58	KTKH13 1	Quản trị chuỗi cung ứng	3	- Về kiến thức: + Hiểu được những khái niệm cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng; hiểu được vai trò và cách thức quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế. + Áp dụng các mô hình phân tích để đưa ra các quyết định trong chuỗi cung ứng + Phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội	31	14	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhập kinh tế quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: + Phát triển kỹ năng vận dụng cơ sở lý luận + Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề khác nhau trong chuỗi cung ứng - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Phát triển năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế. + Hành động trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. 				
2.4	Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp		12					
2.4.1	KTKD17 6	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	6	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hệ thống hóa được các kiến thức về các loại doanh nghiệp, như loại hình, đặc điểm, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp; hệ thống hóa các vấn đề cơ bản trong doanh nghiệp: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, bộ máy tổ chức quản lý trong doanh nghiệp. + Phân tích được tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị + Phân tích được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của từng loại hình: kinh doanh bất động sản, kinh doanh thương mại, quản trị văn phòng và kinh doanh nói chung. 		320 giờ	180 giờ	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững được kỹ năng thu thập thông tin và xử lý số liệu + Phân tích xử lý thông tin và viết báo cáo các khía cạnh thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc độc lập trong điều kiện thực tế tại doanh nghiệp, có trách nhiệm với kết quả công việc của mình + Phát triển được năng lực tự học hỏi, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc + Tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc, chủ động giải quyết vấn đề. 				
2.4.2	KTKD17 7	Khóa luận tốt nghiệp	6	Khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu 1 số vấn đề thuộc một trong các lĩnh vực: quản trị kinh doanh tổng hợp, quản trị kinh doanh bất động sản, quản trị văn phòng, kinh doanh thương mại		320 giờ	180 giờ	
	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp		6					
	<i>Quản trị kinh doanh tổng hợp</i>							
59	KTKD15 8	Quản trị chi phí kinh doanh	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được các vấn đề cốt lõi về: quản trị chi phí kinh doanh, phân loại chi phí kinh doanh, nguyên lý tập hợp chi phí kinh doanh theo loại, yêu cầu và nguyên tắc hình thành điểm chi phí, yêu cầu cơ bản đối với bảng tính chi phí + Nắm được cách thức hình thành các loại chi phí kinh doanh 	30	15	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>và cách lập bảng tính toán chi phí</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng để phân loại chi phí theo từng loại và xác định chìa khóa phân bổ, cách sắp xếp chỉ tiêu trong bảng tính, tính toán giá thành đơn vị sản phẩm</p> <p>+ Lý giải được tại sao phải quản trị chi phí kinh doanh</p> <p>+ Phân tích và đưa ra phương pháp tính chi phí kinh doanh cho từng trường hợp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Đề xuất cách quản trị chi phí kinh doanh hiệu quả</p> <p>+ Tổ chức quản trị chi phí kinh doanh</p>				
60	KTKD15 9	Quản trị công ty	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày bản chất, chức năng của hội đồng quản trị và các thành viên trong ban kiểm soát. Liệt kê được các thành viên trong đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban quản trị công ty cùng với chức năng và nhiệm vụ của họ.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng quy định của pháp luật vào việc xây dựng mô hình quản trị công ty.</p> <p>+ Chuẩn hóa và thành thạo nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản lý hoạt động kinh doanh.</p> <p>+ Tổng hợp các nội dung lý thuyết để đánh giá các mô hình cơ cấu tổ chức của ban quản trị công ty và xác định chức năng nhiệm vụ phù hợp với quy mô</p>	27	18	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>kinh doanh.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
		<i>Quản trị kinh doanh bất động sản</i>						
59	KTKD160	Thị trường bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ bao gồm các khái niệm, đặc điểm, phân loại của bất động sản, thị trường bất động sản. Nội dung quản lý của nhà nước về hoạt động của thị trường bất động sản, mối quan hệ cung cầu trong thị trường bất động sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng kiến thức để phân tích, tổng hợp và đo lường, định giá giá trị của các loại bất động sản trên thị trường bất động sản....</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống thực tế trọng hoạt động kinh doanh bất động sản trên thị trường bất động sản. Liên hệ với thực tế quản trị kinh doanh bất động sản trên thị trường bất động sản của doanh nghiệp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết tình huống trên thị trường bất động sản.</p> <p>+ Tổng hợp lý thuyết và số liệu của doanh nghiệp từ đó đưa ra</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhận xét đánh giá về thị trường kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp nói riêng và thị trường bất động sản của Việt Nam nói chung</p> <p>+ Trình bày những ý tưởng, chiến lược kinh doanh bất động sản, chỉ ra cơ hội kinh doanh trên thị trường kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp</p>				
60	KTKD16 1	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được được kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản</p> <p>+ Ứng dụng trong phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề trong thực tiễn quản lý.</p> <p>+ Tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến giá trị để giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách ...trong lĩnh vực doanh nghiệp kinh doanh bất động sản</p> <p>+ Áp dụng thành thạo các công cụ phân tích quyết định quản lý trong phạm vi chuyên môn công việc;</p> <p>+ Lập, phản biện và chịu trách nhiệm với các đề xuất chính sách trong lĩnh vực chuyên môn;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự tin và kiểm soát tốt bản thân trong truyền đạt và thảo luận</p>	36	09	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đảm nhiệm;</p> <p>+ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính am hiểu trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>+ Tự tin và kiểm soát tốt bản thân trong truyền đạt và thảo luận các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đảm nhiệm;</p>				
	<i>Quản trị văn phòng</i>							
59	KTKD16 2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về: khái niệm và đặc trưng thông tin, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hệ thống thông tin, các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, nội dung khái niệm, quy trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng cho một tổ chức, kiểm soát và bảo trì hệ thống thông tin văn phòng, phương pháp phát triển hệ thống thông tin văn phòng, nội dung giải pháp ứng dụng phần mềm, hướng dẫn cài đặt phần mềm.</p> <p>+ Giải thích được vai trò của hệ thống thông tin văn phòng trong tổ chức, nắm rõ được các giai đoạn phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng, lý do phải phát triển hệ thống thông tin văn phòng.</p> <p>+ Áp dụng thành thạo phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng cách thức kiểm soát và bảo trì hệ thống thông tin văn phòng, kỹ thuật quản trị dữ liệu</p>	34	11	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>vào trong tổ chức, ứng dụng phần mềm văn phòng vào trong tổ chức</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thích ứng nhanh trong việc quyết định xử lý tình huống trong phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập; tự phát hiện, nghiên cứu đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng.</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng.</p>				
60	KTKD16 3	Quản trị hành chính văn phòng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị hành chính văn phòng bao gồm kiến thức liên quan đến các hoạt động hành chính văn phòng, cách thức tổ chức, quản lý, kiểm tra hoạt động hành chính văn phòng của các nhà quản trị, cách thức thu thập xử lý thông tin trong công tác hành chính văn phòng, hoạch định và tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị hay các chuyến công tác cho lãnh đạo trong cơ quan đạt hiệu quả nhằm làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị hành chính văn phòng bao gồm các nguyên tắc cũng như</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>quy trình thực hiện một số nghiệp vụ hành chính văn phòng trong cơ quan như tiếp khách, soạn thảo các văn bản, lưu trữ hồ sơ giấy tờ nhằm giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị hành chính văn phòng để khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá các hoạt động hành chính văn phòng trong các doanh nghiệp.</p> <p>+ Thực hiện được các bước công việc trong công tác quản trị hành chính văn phòng đối với một doanh nghiệp; Có khả năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p>				
	<i>Kinh doanh thương mại</i>							
59	KTKD16 4	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những kiến thức cốt lõi liên quan đến hoạt động nghề nghiệp tại doanh</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>ngành thương mại gồm: kiến thức về quản trị các nguồn lực và quản trị hoạt động tác nghiệp của doanh nghiệp thương mại, từ đó ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh, theo hướng chuyên sâu kinh doanh thương mại</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin, tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết và xử lý vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp thương mại</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>+ Phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá các hoạt động quản trị tại doanh nghiệp thương mại</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các hoạt động trong quá trình quản trị tại doanh nghiệp thương mại</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập quản trị tại doanh nghiệp thương mại</p>				
60	KTKD16 5	Hệ thống thông tin kinh doanh thương mại	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề căn bản về: khái niệm, yêu cầu và phân loại hệ thống thông tin, vai trò của hệ thống thông tin kinh doanh, khái niệm phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, khái niệm hệ thống xử lý giao dịch, hệ thống quản trị quan hệ khách hàng, hệ thống thương mại điện</p>	35	10	90	

TT	Mã môn	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tử, hệ thống quản trị chuỗi cung cấp, hệ thống quản trị tích hợp</p> <p>+ Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin kinh doanh</p> <p>+ Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kinh doanh thương mại</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức để đánh giá tính hiệu quả khi áp dụng hệ thống thông tin vào trong quản lý doanh nghiệp thương mại</p> <p>+ Hiểu rõ lợi ích và thách thức của các hệ thống thông tin kinh doanh thương mại, tính an toàn và bảo mật của hệ thống thông tin kinh doanh trong hoạt động thương mại.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Đưa ra các giải pháp bảo mật dữ liệu cho hệ thống thông tin kinh doanh thương mại</p> <p>+ Đề xuất ý tưởng thiết kế hệ thống thông tin mới đáp ứng được nhu cầu hiện tại của doanh nghiệp trong hoạt động thương mại</p>				
		TỔNG CỘNG	133					

Ghi chú: (*) Các học phần dự kiến sẽ giảng dạy bằng tiếng Anh

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

STT	HỌC PHẦN	Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1.1	Các học phần chung																
1	Triết học Mác - Lênin	3	3	3		3			3					3			
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3							3			3			3		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	3						3					3			
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3							3	3				3	3		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3							3	3					3		
6	Tiếng Anh 1	3				3		3	3				3				
7	Tiếng Anh 2	3				3		3	3				3				
8	Tiếng Anh 3	3				3		3	3				3				
9	<i>Giáo dục thể chất</i>				3	3	3								3		
10	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>				3	3	3								3		
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường																
11	Pháp luật đại cương	3									3	3		3			
12	Tin học đại cương			3			3						3	3			
1.3	Các học phần của ngành																
13	Kinh tế vi mô	3	3				3	3		3			3	3			
14	Kinh tế vĩ mô	3	3				3		3	3		3	3	3			
15	Toán kinh tế	3	3									3			3		
16	Kinh tế số	3	3				3		3	3			3	3			
17	Khởi sự kinh doanh		3	3		3	3			3			3	3	3	3	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																
2.1	Kiến thức cơ sở ngành																
18	Quản trị học	3	3				3			3			3		3		
19	Định giá tài sản		3					3	3			3	3	3	3		
20	Nguyên lý kế toán		3					3	3				3	3	3		

STT	HỌC PHẦN	Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
21	Tài chính - tiền tệ		3					3	3			3	3	3			7
22	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh		3	3	3				3		3	3			3		8
23	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3								3		3	3			4
2.2	Kiến thức ngành																
2.2.1	Bắt buộc																
24	Marketing căn bản	3	3	3					3	3		3	3		3		8
25	Thương mại điện tử		3	3			3		3	3	3		3	3	3	3	10
26	Quản trị chiến lược	3	3	3	3				3	3	3		3	3	3		10
27	Quản trị Marketing	3	3	3	3		3				3	3	3		3		9
28	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	3	3		3	3					3			3	8
29	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	3						3	3	3				3	7
30	Kinh doanh quốc tế		3					3	3				3	3	3		6
31	Tiếng Anh chuyên ngành	3		3		3		3					3		3		6
32	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp		3					3	3				3	3	3		6
33	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	3						3		3		3	3	3		7
34	Tham quan nhận thức 1			3	3				3	3				3	3		6
35	Tham quan nhận thức 2			3	3				3	3				3	3		6
36	Thực tập nghề nghiệp 1		3	3					3	3	3			3	3		7
37	Thực tập nghề nghiệp 2			3	3				3	3	3	3	3	3	3		9
38	Thực tập nghề nghiệp 3			3	3				3	3	3		3	3			7
2.2.2	Tự chọn (Chọn 5 học phần*3TC)																0
39	Quản trị tác nghiệp	3	3	3	3		3	3					3	3			8
40	Quản trị doanh nghiệp		3	3	3				3		3	3				3	7

STT	HỌC PHẦN	Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
41	Phân tích hoạt động kinh doanh			3	3		3		3		3		3		3		7
42	Quản trị tài chính	3	3	3	3			3	3		3	3	3		3		10
43	Quản trị dự án đầu tư	3	3				3				3		3	3	3	3	8
44	Kiểm soát nội bộ	3	3	3	3		3		3	3	3		3	3		3	11
45	Tái lập doanh nghiệp	3	3				3			3	3		3	3	3		8
46	Quản trị quá trình kinh doanh		3	3	3			3		3	3					3	7
47	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3	3	3					3	3	3	3	3	3		11
2.3	Kiến thức chuyên ngành (chọn 6 môn x 3TC)																
2.3.1	<i>Quản trị kinh doanh tổng hợp</i>																
48	Quản trị chất lượng		3	3			3	3			3		3		3	3	8
49	Quản trị sự thay đổi	3	3	3						3	3					3	6
50	Quản trị công nghệ	3	3	3						3	3					3	6
51	Quản trị văn phòng	3	3	3			3	3			3		3	3	3		9
52	Quản trị chuỗi cung ứng				3		3			3			3	3			5
53	Quản trị rủi ro		3	3			3	3		3	3		3	3	3	3	10
54	Quản trị hậu cần		3	3	3					3	3	3				3	7
55	Quản trị đa văn hóa	3		3			3	3		3	3		3	3	3		9
56	Quản trị bán hàng		3	3	3			3	3	3	3		3		3	3	10
57	Quản trị kênh phân phối	3	3	3	3		3	3	3		3		3	3			10
58	Quản trị năng suất	3		3			3	3		3	3		3	3	3		9
2.3.2	<i>Quản trị kinh doanh bất động sản</i>																
48	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản			3	3				3				3	3		3	6
49	Quản lý đô thị	3	3	3				3	3				3				6
50	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	3	3	3				3	3				3				6
51	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động	3	3	3	3				3		3		3		3		8

STT	HỌC PHẦN	Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
	sản																
52	Quản lý điều hành sản giao dịch và môi giới bất động sản	3		3	3		3		3			3	3	3	3		9
53	Kinh doanh bất động sản	3	3	3				3	3				3				6
54	Đầu tư và tài chính bất động sản	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		13
55	Quy hoạch sử dụng đất	3	3							3					3	3	5
56	Tổ chức thi công xây dựng	3	3	3				3	3				3				6
57	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản	3	3				3				3		3	3		3	7
58	Phát triển dự án bất động sản	3	3				3				3		3	3		3	7
2.3.3	Quản trị văn phòng																0
48	Quản trị văn phòng	3	3	3			3	3			3		3	3	3		9
49	Phương pháp soạn thảo văn bản	3	3				3	3					3	3	3		7
50	Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	3	3				3				3		3	3	3		7
51	Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp	3	3	3				3	3				3	3	3		8
52	Quản lý tài sản cơ quan	3	3	3	3		3	3	3				3	3	3		10
53	Nghiệp vụ thư ký	3	3	3			3	3			3		3	3	3		9
54	Văn hóa công sở	3	3	3	3		3	3	3				3	3	3		10
55	Tổ chức sự kiện trong văn phòng	3	3				3		3				3	3	3		7
56	Lễ tân văn phòng	3	3						3		3		3	3	3		7
57	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	3	3	3				3	3				3	3	3		8
58	Ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng	3	3	3				3	3				3	3	3		8

STT	HỌC PHẦN	Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng	
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4		
2.3.4	<i>Kinh doanh thương mại</i>																	0
48	Kinh doanh thương mại		3	3			3	3	3		3		3		3			8
49	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu				3	3			3			3		3		3		6
50	Bao bì và thương hiệu hàng hóa				3	3			3	3				3		3		6
51	Thương mại quốc tế				3	3			3	3				3		3		6
52	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	3	3	3			3	3	3			3	3	3	3		11
53	Nghiệp vụ mua bán hàng hóa ở doanh nghiệp thương mại	3	3	3	3			3	3			3	3	3	3			10
54	Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế			3					3	3				3	3	3		6
55	Nghiệp vụ hải quan					3				3	3			3	3			5
56	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế			3					3	3				3		3		5
57	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại			3		3				3	3	3	3	3			3	8
58	Quản trị chuỗi cung ứng				3	3		3			3			3	3			6
2.4	Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp																	
2.4.1	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>																	
2.4.2	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>																	
	<i>Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																	
	<i>Quản trị kinh doanh tổng hợp</i>																	
59	Quản trị chi phí kinh doanh			3	3					3			3		3		3	6

STT	HỌC PHẦN	Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
60	Quản trị công ty	3		3			3		3	3	3		3	3	3		9
	<i>Quản trị kinh doanh bất động sản</i>																
59	Thị trường bất động sản	3	3				3					3	3	3	3		7
60	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	3	3				3	3	3	3	3		3	3	3		10
	<i>Quản trị văn phòng</i>																
59	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng	3	3	3			3	3					3	3	3		8
60	Quản trị hành chính văn phòng		3	3			3	3		5			3	3	3		7
	<i>Kinh doanh thương mại</i>																
59	Quản trị doanh nghiệp thương mại		3	3					3	3	3	3	3	3		3	9
60	Hệ thống thông tin kinh doanh thương mại		3					3	3				3	3	3		6
	TỔNG CỘNG	6 1	7 2	6 0	3 5	1 0	4 2	4 8	5 4	3 9	4 7	2 0	7 9	6 3	6 2	2 2	

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ										
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4				
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8			
	ngành												
18	Quản trị học	KTKD105		3									
19	Định giá tài sản	KTKT102			2								
20	Nguyên lý kế toán	KTKE101			3								
21	Tài chính - tiền tệ	KTKT101	2										
22	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	KTKD113							2				
23	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	KTKH104			2								
2.2	Kiến thức ngành												
2.2.1	Bắt buộc												
24	Marketing căn bản	KTPT120		2									
25	Thương mại điện tử	KTKD106			2								
26	Quản trị chiến lược	KTKD108						3					
27	Quản trị Marketing	KTPT105						2					
28	Quản trị nguồn nhân lực	KTKD109						3					
29	Hệ thống thông tin quản lý	KTKD110				2							
30	Kinh doanh quốc tế	KTKD112			2								
31	Tiếng Anh chuyên ngành	KTKD107							3				
32	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKD102							2				
33	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTKD111							2				
34	Tham quan nhận thức 1	KTKD103		1									
35	Tham quan nhận thức 2	KTKD104			1								
36	Thực tập nghề nghiệp	KTKD114				4							

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ										
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4				
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8			
	1												
37	Thực tập nghề nghiệp 2	KTKD115						5					
38	Thực tập nghề nghiệp 3	KTKD116							5				
2.2.2	Tự chọn (Chọn 5 học phần*3TC)												
39	Quản trị tác nghiệp	KTKD117						3					
40	Quản trị doanh nghiệp	KTKD118				3							
41	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTKD119							3				
42	Quản trị tài chính	KTKT103				3							
43	Quản trị dự án đầu tư	KTKD120				3							
44	Kiểm soát nội bộ	KTKT116							3				
45	Tái lập doanh nghiệp	KTKD121				3							
46	Quản trị quá trình kinh doanh	KTKD122							3				
47	Tâm lý và hành vi khách hàng	KTPT169				3							
2.3	Kiến thức chuyên ngành (chọn 6 môn x 3TC)												
2.3.1	Quản trị kinh doanh tổng hợp												
48	Quản trị chất lượng	KTKD124									3		
49	Quản trị sự thay đổi	KTKD125									3		
50	Quản trị công nghệ	KTKD126									3		
51	Quản trị văn phòng	KTKD127									3		
52	Quản trị chuỗi cung ứng	KTKH131									3		
53	Quản trị rủi ro	KTKD128									3		

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ										
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4				
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8			
59	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng	KTKD162											3
60	Quản trị hành chính văn phòng	KTKD163											3
	<i>Kinh doanh thương mại</i>												
59	Quản trị doanh nghiệp thương mại	KTKD164											3
60	Hệ thống thông tin kinh doanh thương mại	KTKD165											3
	TỔNG CỘNG (133)		17	1	8	1	1	1	1	1	1	1	1

3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1. Triết học Mác - Lênin 3TC

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo.

Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2TC

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, góp phần xây dựng và củng cố nền tảng tư duy kinh tế, lập trường chính trị, phương pháp học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của đất

nước hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2TC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2TC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị;

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Tiếng Anh 1 3TC

Học phần “Tiếng Anh 1” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

7. Tiếng Anh 2 3TC

Học phần “Tiếng Anh 2” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

8. Tiếng Anh 3 2TC

Học phần “Tiếng Anh 3” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.

11. Pháp luật đại cương 2TC

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.

12. Tin học đại cương 2TC

Học phần “Tin học đại cương” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS

Powerpoint.

13. Kinh tế vi mô 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

14. Kinh tế vĩ mô 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

15. Toán kinh tế 2TC

Học phần “Toán kinh tế” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.

16. Kinh tế số 2TC

Học phần Kinh tế số cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các thành phần cốt lõi của kinh tế số là kinh tế đổi mới, quyền sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ bản về bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế

đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.

17. Khởi sự kinh doanh 2TC

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về đánh giá ý tưởng kinh doanh, từ đó có cơ sở để lập kế hoạch kinh doanh. Phân tích, đánh giá môi trường kinh tế để tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh.

18. Quản trị học 3TC

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm quản trị, nhà quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị. Ứng dụng các lý thuyết về môi trường quản trị dùng để phân tích, đánh giá phục vụ ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

19. Định giá tài sản 2tc

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Khái niệm, mục đích, nguyên tắc định giá; các đối tượng định giá.
- Vận dụng được các phương pháp định giá phù hợp với từng loại tài sản cần định giá.
- Trình bày được quy trình định giá; các nội dung của hồ sơ định giá và hiểu về pháp luật trong hoạt động định giá.

20. Nguyên lý kế toán 3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

Học phần này là tiền đề để người học có thể nghiên cứu các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo.

21. Tài chính - tiền tệ 2TC

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ

thống tài chính.

- Những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, các phương pháp tính lãi.
- Khái niệm, thành phần của ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp.
- Những vấn đề về thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

22. Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh 2TC

Học phần Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh là học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học khái quát hóa được các vấn đề chung về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh trên phương diện lí luận và thực tiễn; Nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài.

23. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh 2TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh. Học phần giới thiệu tổng quan về nghiên cứu trong kinh doanh; xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong kinh doanh; xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi; chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu; đồng thời học phần còn trang bị kiến thức về trình bày báo cáo nghiên cứu, giúp người học vận dụng vào các nghiên cứu trong thực tiễn.

24. Marketing căn bản 2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó, đồng thời hiểu rõ quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và hiểu về chính sách sản phẩm, chính sách giá của sản phẩm và chính sách phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

25. Thương mại điện tử 2TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.

26. Quản trị chiến lược 3TC

Học phần Quản trị chiến lược là học phần thuộc khối kiến thức ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong quá trình thực hiện nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

27. Quản trị Marketing 2TC

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản của quản trị marketing như: bản chất của quản trị marketing, các cơ hội marketing, chiến lược marketing mục tiêu, chiến lược marketing cạnh tranh, và hoạch định chương trình marketing để thực hiện các công việc trong ngành Quản trị kinh doanh, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế.

28. Quản trị nguồn nhân lực 3TC

Học phần cung cấp những nội dung bao gồm: Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực (khái niệm, các nội dung cơ bản, các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực); hoạch định nguồn nhân lực (nội dung hoạch định, hoạch định chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp); Phân tích công việc (bản mô tả, bản tiêu chuẩn công việc), tổ chức bộ máy, tổ chức nhiệm vụ nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và tạo động lực cho người lao động.

29. Hệ thống thông tin quản lý 2TC

Học phần hệ thống thông tin kinh doanh trình bày các vấn đề như: tổng quan về thông tin, các đặc trưng của thông tin trong kinh doanh, cách thức để phân tích và thiết kế hệ thống thông tin sao cho phù hợp với thực tế, các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Từ đó, xây dựng và phát triển một hệ thống thông tin hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp.

30. Kinh doanh quốc tế 2TC

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản của kinh doanh quốc tế như: Tổng quan về kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng các yếu tố môi trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia; môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu; chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.

31. Tiếng Anh chuyên ngành 3TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành là học phần thuộc khối kiến thức Tự chọn

trong Kiến thức cơ sở ngành vào kỳ học thứ 8 trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể biết được các từ vựng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, biết cách giới thiệu về nghề nghiệp, mô tả về môi trường làm việc, các vị trí trong doanh nghiệp cũng như có thể đọc và nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành quản trị kinh doanh bằng Tiếng Anh.

32. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp 2TC

Học phần kỹ năng phát triển nghề nghiệp trình bày các nội dung cơ bản bao gồm: Tổng quan về kỹ năng phát triển nghề nghiệp, các nhóm kỹ năng cá nhân như kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, những kỹ năng quan hệ với con người cũng như các kỹ năng chuyên biệt cho nghề quản trị như phân tích báo cáo tài chính, xây dựng thương hiệu, lập kế hoạch, ra quyết định.

33. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp 2TC

Học phần Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức ngành tự chọn trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học khái quát hóa được các vấn đề chung về đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp; Học phần giúp cho người học trang bị những kiến thức về xây dựng đạo đức kinh doanh, xây dựng văn hoá ứng xử trong doanh nghiệp nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để áp dụng vào trong thực tiễn tại doanh nghiệp hiệu quả hơn.

34. Tham quan nhận thức 1 1TC

Học phần này cung cấp cho người học tham gian, tìm hiểu về các khái niệm cơ bản, mô hình tổ chức hoạt động, đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; qua đó người học bước đầu được tiếp cận thực tế và phân nào hình dung được công việc trong tương lai.

35. Tham quan nhận thức 2 1TC

Học phần này cung cấp cho người học tham quan, tìm hiểu các khái niệm cơ bản, mô hình tổ chức hoạt động, đặc điểm sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp sản xuất; người học bước đầu được tiếp cận thực tế và phân nào hình dung được công việc trong tương lai.

36. Thực tập nghề nghiệp 1 4TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với các hệ thống, hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua trải nghiệm các vị trí nghề nghiệp và môi trường làm việc thực tiễn sinh viên hiểu được sự chuyên nghiệp, đạo đức và trách nhiệm trong công việc. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành được báo cáo và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 2.

37. Thực tập nghề nghiệp 2 5TC

Học phần này nhằm giúp cho người học vận dụng các kiến thức được học, đặc biệt là kiến thức chuyên ngành vào trong thực tế hoạt động quản trị kinh doanh. Những kiến thức về quy trình hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; đồng thời giúp cho việc nghiên cứu phần kiến thức chuyên sâu tiếp theo của ngành học.

38. Thực tập nghề nghiệp 3 5TC

Học phần này cung cấp cho người học chức năng, nhiệm vụ, hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất kinh doanh; bất động sản; thương mại dịch vụ. Học phần này nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã học, đồng thời giúp cho việc nghiên cứu phần kiến thức chuyên sâu tiếp theo của ngành học.

39. Quản trị tác nghiệp 3TC

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Môn học tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo cầu sản phẩm (dự báo, cầu sản phẩm, dự báo cầu sản phẩm, phương pháp dự báo định tính, phương pháp dự báo định lượng), thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ (lựa chọn sản phẩm dịch vụ, phát triển và các kỹ thuật trong thiết kế sản phẩm, định nghĩa sản phẩm), lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, phân loại, lựa chọn địa điểm, thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu (các yêu cầu ứng dụng MRP và các bước hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, các phương pháp xác định lô hàng, quản trị dự án sản xuất) quản trị dự trữ (Kỹ thuật phân tích ABC, mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản EOQ, mô hình sản lượng đặt hàng theo sản xuất POQ, mô hình khấu trừ theo sản lượng DMQ) và Quản trị dịch vụ.

40. Quản trị doanh nghiệp 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp: cách tiếp cận quản trị doanh nghiệp hiện nay, nhà quản trị trong doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức và nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy quản trị. Đưa ra các tổ chức cần có và các tiêu chuẩn để đánh giá giám đốc doanh nghiệp; điều hành trong quản trị doanh nghiệp, cách thức ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp, phân tích kết quả kinh doanh, đánh giá chất lượng nhân sự, ứng dụng đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Để từ đó có cái nhìn toàn diện về quản trị doanh nghiệp hiện nay và chỉ ra phương hướng quản trị doanh nghiệp cho kế hoạch tương lai.

41. Phân tích hoạt động kinh doanh 3TC

Học phần Phân tích kinh doanh là học phần thuộc khối kiến thức Ngành bắt buộc vào kỳ học thứ 6 trong chương trình đào tạo. Khái quát hóa được tổng quan về cơ

sở lý luận của phân tích kinh doanh, phân tích hoạt động cung cấp, phân tích hoạt động sản xuất, phân tích hoạt động tiêu thụ, phân tích hoạt động đầu tư, phân tích hoạt động tài chính và đánh giá tình hình tài chính, phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp

42. Quản trị tài chính 3TC

Quản trị tài chính là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính bao gồm:

- Khái niệm, vai trò, nội dung của quản trị tài chính;
- Các quyết định tài chính của doanh nghiệp;
- Các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính;
- Quản trị tài sản và nguồn vốn, chính sách phân phối lợi nhuận.

Trên cơ sở đó, vận dụng để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định đầu tư; đọc và hiểu các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định.

43. Quản trị dự án đầu tư 3TC

Học phần Quản trị dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc lập và quản trị một dự án đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án đầu tư; quản trị thời gian và tiến độ công việc theo mạng thời gian theo phương pháp sơ đồ PERT và theo phương pháp sơ đồ GANTT; bố trí và điều phối nguồn lực thực hiện dự án theo như bản lập dự án; dự toán ngân sách và quản trị chi phí của một dự án; quản trị chất lượng và rủi ro trong quá trình dự án được thực hiện.

44. Kiểm soát nội bộ 3TC

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được tổng quan chung về kiểm soát nội bộ như khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên kiểm soát nội bộ. Có kỹ năng nhận diện, phân tích được các sai phạm thường xảy ra trong doanh nghiệp và đề xuất biện pháp hạn chế. Đồng thời người học hiểu được mục tiêu và nội dung một số quy trình kiểm soát nội bộ chính trong các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn.

45. Tái lập doanh nghiệp 3TC

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về sự thay đổi và phát triển – tiền đề để tái lập. Học phần trình bày khái luận về quản trị sự thay đổi, tái lập doanh nghiệp, khái luận về tái lập doanh nghiệp. Phân tích được sự cần thiết và các đặc trưng của tái lập doanh nghiệp từ đó rút ra các nguyên tắc, yêu cầu và nội dung chủ yếu của tái lập doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong doanh nghiệp để tái lập doanh nghiệp khi cần thiết.

46. Quản trị quá trình kinh doanh 3TC

Học phần quản trị quá trình kinh doanh trình bày các vấn đề như: khái niệm quản trị quá trình kinh doanh, lý do tại sao phải quản trị quá trình kinh doanh, lợi ích khi doanh nghiệp quản trị quá trình kinh doanh bằng các công cụ, vòng đời của quản trị quá trình kinh doanh, mô phỏng và thiết kế quy trình kinh doanh, sử dụng một số kỹ thuật phân tích quy trình kinh doanh để đánh giá hiệu quả, đưa ra các công cụ cải tiến và đổi mới trong quy trình kinh doanh.

47. Tâm lý và hành vi khách hàng 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về tâm lý, hành vi khách hàng; hành vi của khách hàng trong quá trình mua sắm; động cơ và hành vi của khách hàng; nhận thức của khách hàng; thái độ của khách hàng và các ảnh hưởng của yếu tố văn hóa xã hội đến tâm lý, hành vi khách hàng. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

48. Quản trị chất lượng 3TC

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.

49. Quản trị sự thay đổi 3TC

Học phần quản trị sự thay đổi cung cấp những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng tổng quan về quản trị sự thay đổi như quá trình thay đổi, hình thức thay đổi của doanh nghiệp, các bước tiến hành thay đổi, những rào cản gặp phải trong quá trình thay đổi, chủ động thay đổi và phát triển doanh nghiệp, ứng dụng truyền thông trong thay đổi doanh nghiệp. Để từ đó giúp doanh nghiệp thay đổi để ứng phó với sự biến động thị trường nhằm giúp doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

50. Quản trị công nghệ 3TC

Học phần quản trị công nghệ trình bày các vấn đề như: tổng quan về công nghệ và quản trị công nghệ, phương pháp đánh giá và sử dụng các chỉ tiêu để lựa chọn công nghệ, phân tích năng lực công nghệ trong doanh nghiệp, quá trình đổi mới và quản lý đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, nguyên nhân chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Từ đó, đánh giá tình hình sử dụng công nghệ của doanh nghiệp và hoạch định chiến lược công nghệ cho doanh nghiệp phát triển trong tương lai.

51. Quản trị văn phòng 3TC

Học phần Quản trị văn phòng là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị văn phòng bao gồm khái quát được khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng, khái niệm quản trị văn phòng sự cần thiết của việc quản trị thời gian, công cụ và hệ thống lưu trữ hồ sơ, nguyên tắc soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính, lễ tân và vai trò của công tác lễ tân, khái niệm, chức năng, nguyên tắc công tác lưu trữ hồ sơ, các kiến thức trong quản trị văn phòng để sắp xếp, chuẩn bị công tác, tổ chức các cuộc họp không nghi thức, các cuộc họp theo nghi thức, xử lý các công văn giấy tờ trong tổ chức, tổ chức các hoạt động đón tiếp khách, tổ chức tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị văn phòng và triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

52. Quản trị chuỗi cung ứng 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng. Học phần giới thiệu tổng quan về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng, nghiên cứu phương pháp quản trị mua hàng và phát triển quan hệ với nhà cung cấp, các vấn đề cơ bản về hoạt động trong quản trị chuỗi cung ứng như dự báo nhu cầu và quản trị dự trữ. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về vấn đề phân phối và tích hợp chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

53. Quản trị rủi ro 3TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị rủi ro. Thông qua học phần sinh viên có cái nhìn khái quát về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể gặp phải và cách thức quản trị các loại rủi ro. Mặt khác học phần này còn trang bị cho sinh viên cách thức đo lường, chuyển đổi các rủi ro nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, khống chế hoặc biến rủi ro thành cơ hội trong hoạt động kinh doanh của mình.

54. Quản trị hậu cần 3TC

Học phần quản trị hậu cần trình bày các vấn đề như: tại sao phải quản trị hậu cần, sản phẩm trong hậu cần, nguyên lý Pareto, dịch vụ trong hậu cần, chu kỳ đặt hàng trong doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến việc xử lý đơn đặt hàng, phương tiện và lịch trình vận tải hàng hóa, quản lý hàng dự trữ trong kho, quản trị kênh phân phối, các hoạt động mua hàng hóa.

55. Quản trị đa văn hóa 3TC

Học phần cung cấp kiến thức về văn hóa, về quản trị đa văn hóa, các thành phần của văn hóa và phân tích ảnh hưởng của văn hóa đến quản trị. Phân biệt và so sánh sự

khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như một số quốc gia trên thế giới, về văn hóa giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa và sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa

56. Quản trị bán hàng 3TC

Học phần quản trị bán hàng trình bày các vấn đề cơ bản bao gồm: Tổng quan về quản trị bán hàng, Xây dựng kế hoạch, lập ngân sách cho hoạt động bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, sử dụng các công cụ động viên khích lệ sao cho có hiệu quả và kiểm tra đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động bán hàng.

57. Quản trị kênh phân phối 3TC

Học phần quản trị kênh phân phối trình bày các vấn đề bao gồm: Tổng quan về phân phối sản phẩm; Môi trường và hành vi trong kênh phân phối; chiến lược, xây dựng, quản lý và đánh giá hoạt động phân phối; các vấn đề chiến thuật trong quản trị kênh phân phối, hoạt động đánh giá hiệu quả kênh và một số loại kênh phân phối của các ngành kinh doanh đặc thù. Phân tích quy trình và nội dung các hoạt động trong quản trị kênh phân phối, từ đó có thể hiểu và phân tích được các mối quan hệ và hành vi của kênh phân phối trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, cũng như có khả năng đưa ra quyết định về chiến lược, chiến thuật để xây dựng và vận hành kênh phân phối có hiệu quả.

58. Quản trị năng suất 3TC

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về quản trị năng suất như: khái niệm, vai trò và công cụ đo lường năng suất. Phân tích ảnh hưởng đến công tác hoạch định năng suất, yêu cầu khi xây dựng từ đó vận dụng trong các phương pháp lựa chọn năng suất cho doanh nghiệp. Đánh giá năng suất doanh nghiệp thông qua một số mô hình đo lường và đưa ra biện pháp nâng cao năng suất cho doanh nghiệp ở lý luận và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chuyên ngành quản trị kinh doanh bất động sản

48. Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản 3TC

Học phần quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản những kiến thức về nhà nước và quản lý nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý nhà nước về bất động sản, bao gồm quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản. Học phần giúp sinh viên có kỹ năng để nghiên cứu các quy định, các văn bản pháp lý trong hệ thống quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản. Học phần quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản sẽ giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên soạn thảo một số văn bản liên quan đến công tác quản lý hành chính nhà nước về đất đai và bất động sản sau này để sau khi học xong học phần quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản sinh viên hiểu và vận dụng soạn thảo một

số loại văn bản chuyên môn của ngành.

49. Quản lý đô thị 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Quản lý đô thị và các yếu tố của quản lý đô thị; Bộ máy QLNN đối với đô thị; Phân cấp, phân quyền phối hợp giữa các bộ phận trong bộ máy QLNN về đô thị; Quản lý lập và xét duyệt quy hoạch đô thị; Các chính sách quản lý tăng trưởng kinh tế đô thị; Quản lý đất đai, nhà ở đô thị; Quản lý dân số đô thị; Quản lý lao động và việc làm đô thị; quản lý kết cấu hạ tầng đô thị; môi trường đô thị và sự phát triển kinh tế đô thị; Quản lý văn hóa giáo dục và y tế đô thị; Cấu trúc và mô hình phát triển khu đô thị mới.

50. Kiến trúc đô thị và cảnh quan 3TC

Học phần tập trung làm rõ các vấn đề như: Khái niệm cơ bản về kiến trúc cảnh quan, mối quan hệ giữa cảnh quan không gian trồng với cảnh quan không gian xây dựng từ đó tìm ra các quy luật, quy tắc ứng dụng trong quy hoạch và thiết kế cảnh quan và ứng dụng nó vào việc quy hoạch, thiết kế cảnh quan nông thôn và đô thị. Học phần cung cấp các nguyên tắc thiết kế, quy hoạch, các dạng bố cục, quy tắc sắp xếp và quy luật, quy trình trong thiết kế đô thị và cảnh quan để ứng dụng vào thực tế kiến trúc đô thị.

51. Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản 3TC

Học phần Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Bất động sản. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê, kiểm kê đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký bất động sản và cấp giấy chứng nhận. Học phần này có mối liên hệ với học phần Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản; Đầu tư và tài chính bất động sản.

52. Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản 3TC

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về quản lý sàn giao dịch bất động sản và hoạt động môi giới bất động sản, bao gồm: tổng quan về quản lý điều hành sàn giao dịch & môi giới bất động sản, thị trường bất động sản, đầu tư kinh doanh bất động sản, các quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản, các văn bản pháp luật trong kinh doanh bất động sản.

53. Kinh doanh bất động sản 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Trình tự thực hiện dự án đầu tư kinh doanh bất động sản; Các loại dự án đầu tư kinh doanh bất động sản; Hợp đồng trong hoạt động kinh doanh bất động sản; Những vấn đề cơ bản về kinh doanh dịch vụ bất động sản; Các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp BĐS; Nội dung của môi giới bất động sản; thị trường bất động sản; Cung và cầu trong thị trường bất động sản; Phân tích thị trường bất động

sản; Nội dung của môi giới bất động sản; thị trường bất động sản; Cung và cầu trong thị trường bất động sản; Phân tích thị trường bất động sản; Hợp đồng trong kinh doanh bất động sản; Văn hóa doanh nghiệp và cách thức vận dụng trong quản lý - Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

54. Đầu tư và tài chính bất động sản 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát hoá các vấn đề đầu tư và tài chính bất động sản (những vấn đề chung về bản động sản, tài sản, thị trường bất động sản, tài chính bất động sản); Quản lý thực hiện dự án đầu tư kinh doanh bất động sản (Trình tự, thủ tục, nội dung các loại bất động sản); Các vấn đề về pháp luật kinh doanh bất động sản (hợp đồng trong kinh doanh bất động sản); Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Quản lý bất động sản; Tài chính bất động sản.

55. Quy hoạch sử dụng đất 3TC

Học phần quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề chung về đất đai, sử dụng đất đai và quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

56. Tổ chức thi công xây dựng 3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Thiết kế tổ chức xây dựng; Thi công xây dựng, công tác chuẩn bị thi công; Văn bản thiết kế tổ chức thi công công trình; Tổ chức hoạt động xây lắp công trình; thiết kế tổ chức thi công công trình đơn vị, công trình nhiều hạng mục; Lập kế hoạch tiến độ thi công công trình đơn vị, công trình nhiều hạng mục; Tổ chức thi công và đánh giá về các biện pháp tổ chức thi công đã lập; Trình tự thiết kế tổng mặt bằng thi công xây dựng công trình; Thiết kế mặt bằng thi công hạng mục công trình; Thiết kế tổng mặt bằng toàn công trường thi công nhiều hạng mục; Tổ chức vận chuyển và thiết kế hệ thống giao thông công trường; Quản lý chất lượng thi công và chất lượng công trình trong giai đoạn xây lắp.

57. Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái niệm về dự án đầu tư bất động sản, phân loại dự án đầu tư bất động sản. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phân tích, trình tự, các nội dung nghiên cứu và lập dự án đầu tư. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên cách so sánh và lựa chọn dự án đầu tư cũng như phương pháp thẩm định dự án đầu tư.

58. Phát triển dự án bất động sản 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức như nội dung tính chất chung của kinh tế bất động sản, đầu tư phát triển bất động sản và quản lý danh mục đầu tư, phát triển dự án bất động sản. Các vấn đề chung của kinh tế bất động sản đến những vấn đề tác nghiệp trong lập dự án đầu tư phát triển bất động sản. Đi từ cơ sở

khoa học quản lý nói chung, đến những vấn đề tổ chức đầu tư bất động sản, quản lý bất động sản thương mại (kinh doanh, giao dịch trên thị trường) với kinh nghiệm của nước Nga và một số nước tiên tiến trong lĩnh vực bất động sản trên thế giới. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên các cách quản lý danh mục dự án đầu tư bất động sản và đầu tư phát triển dự án bất động sản.

Chuyên ngành Quản trị văn phòng

48. Quản trị văn phòng 3TC

Học phần Quản trị văn phòng là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị văn phòng bao gồm khái quát được khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng, khái niệm quản trị văn phòng sự cần thiết của việc quản trị thời gian, công cụ và hệ thống lưu trữ hồ sơ, nguyên tắc soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính, lễ tân và vai trò của công tác lễ tân, khái niệm, chức năng, nguyên tắc công tác lưu trữ hồ sơ, các kiến thức trong quản trị văn phòng để sắp xếp, chuẩn bị công tác, tổ chức các cuộc họp không nghi thức, các cuộc họp theo nghi thức, xử lý các công văn giấy tờ trong tổ chức, tổ chức các hoạt động đón tiếp khách, tổ chức tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị văn phòng và triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

49. Phương pháp soạn thảo văn bản 3TC

Học phần Phương pháp soạn thảo văn bản là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đại học. Sau khi học xong học phần này, người học sẽ được cung cấp tổng quan các lý thuyết về phương pháp dự thảo văn bản như: khái quát về văn bản hành chính, các yêu cầu đối với văn bản hành chính, quy trình ban hành văn bản hành chính thông dụng. Ngoài ra, người học còn được trang bị kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng: soạn thảo biên bản, soạn thảo công văn, công điện, soạn thảo báo cáo, thông báo, soạn thảo điều lệ, quy chế, quy định... giúp cho người học vận dụng được vào thực tiễn trong công tác soạn thảo văn bản trong các cơ quan, tổ chức.

50. Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ 3TC

Học phần Nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đại học. Sau khi học xong học phần, người học sẽ được trang bị tổng quan các lý thuyết về nghiệp vụ văn thư – lưu trữ, cách tổ chức quản lý công tác văn thư trong cơ quan, tổ chức. Người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ văn thư như: xây dựng và ban hành văn bản, tổ chức quản lý và giải quyết văn bản đến - đi, quản lý và sử dụng con dấu; các nghiệp vụ lưu trữ như: thu thập và bổ sung tài liệu vào lưu trữ, xác định giá trị tài liệu lưu trữ, tổ chức sử dụng tài liệu, và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu

trữ. Giúp người học vận dụng được các nghiệp vụ văn thư – lưu trữ vào thực tiễn trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

51. Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp 3TC

Học phần này sẽ cung cấp tổng quan các lý thuyết về nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp trong công tác quản trị văn phòng; trong công tác chuyên môn; trong công tác tổ chức và đào tạo bồi dưỡng cán bộ; nghiệp vụ tham mưu tổng hợp trong công tác hành chính; nghiệp vụ tham mưu tổng hợp trong công tác pháp chế; trong công tác thi đua khen thưởng, trong công tác hậu cần; trong công tác thông tin; trong công tác đối ngoại.

52. Quản lý tài sản cơ quan 3TC

Học phần Quản lý tài sản cơ quan là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quản lý tài sản trong cơ quan như khái niệm về tài sản, mục đích của công tác quản lý tài sản, phân loại tài sản trong cơ quan, những yêu cầu đối với công tác quản lý tài sản trong cơ quan, vai trò của công tác quản lý tài sản, những quy định chung về quản lý tài sản, nội dung quản lý nhà nước về tài sản và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, tổ chức bộ máy làm công tác quản lý tài sản trong cơ quan như xây dựng cơ cấu tổ chức, quy mô bộ phận chuyên trách về quản lý tài sản, tiêu chuẩn các chức danh trong bộ phận, quy trình quản lý tài sản cơ quan như công tác mua sắm, thống kê, kiểm kê tài sản thiết bị, công tác đánh giá lại tài sản, tính hao mòn, khấu hao, theo dõi, sử dụng, khai thác tài sản thiết bị, định giá các loại tài sản trong cơ quan.

53. Nghiệp vụ thư ký 3TC

Học phần Nghiệp vụ thư ký là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về nghiệp vụ thư ký văn phòng như khái niệm về thư ký, thư ký văn phòng, thông tin; các chức năng, nhiệm vụ của thư ký văn phòng, những năng lực và phẩm chất cần thiết đối với thư ký văn phòng, vị trí của thư ký văn phòng trong hoạt động của cơ quan, công sở. Mặt khác người học còn nắm được các nghiệp vụ cơ bản của người thư ký văn phòng như nghiệp vụ thu thập và cung cấp thông tin cho lãnh đạo, cơ quan, nghiệp vụ tiếp- đãi khách, các hoạt động tổ chức hội họp, tổ chức chuyên đi công tác cho lãnh đạo, cơ quan. Ngoài ra trong nội dung học phần còn hướng dẫn cách thức soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường liên quan đến các nghiệp vụ chuyên môn của người thư ký văn phòng.

54. Văn hóa công sở 3TC

Học phần Văn hóa công sở là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các

vấn đề căn bản về văn hóa công sở như khái niệm văn hóa công sở, đặc trưng trong văn hoá giao tiếp công sở; các yếu tố cấu thành văn hóa công sở: chế độ chính sách; nội quy, quy chế; phong cách và phẩm chất lao động của lãnh đạo; năng lực và phẩm chất của đội ngũ nhân viên và môi trường làm việc; văn hóa giao tiếp và kỹ năng ứng xử trong giao tiếp công sở.

55. Tổ chức sự kiện trong văn phòng 3TC

Học phần Tổ chức sự kiện trong văn phòng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đại học. Sau khi học xong học phần này, người học sẽ được trang bị tổng quan kiến thức về tổ chức sự kiện trong văn phòng, tập trung vào các vấn đề như các loại hình sự kiện trong văn phòng, hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách sự kiện. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học vận dụng vào việc lập kế hoạch tổ chức sự kiện, cung ứng dịch vụ vận chuyển và đưa đón khách, cung ứng dịch vụ lưu trú. Ứng dụng vào tổ chức một số sự kiện đơn giản trong văn phòng.

56. Lễ tân văn phòng 3TC

Học phần Lễ tân văn phòng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đại học. Sau khi học xong học phần, người học sẽ khái quát hóa được kiến thức về lễ tân và lễ tân văn phòng, các quy trình và nghiệp vụ của lễ tân văn phòng. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên một số nghi thức giao tiếp cơ bản, kỹ năng đón tiếp khách, đãi khách và xây dựng văn hóa trong giao tiếp giúp người học vận dụng và xử lý các tình huống cụ thể trong công tác lễ tân văn phòng.

57. Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin 3TC

Học phần này sẽ cung cấp tổng quan các lý thuyết về thông tin, công tác tổ chức thông tin, thu thập và xử lý thông tin; vai trò của thông tin trong việc ra quyết định của nhà quản trị; thông tin trong việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong doanh nghiệp.

58. Ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng 3TC

Học phần này sẽ cung cấp nội dung cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp tổ chức thông tin trong công tác văn phòng; trong công tác văn thư; tổ chức xây dựng hệ thống thông tin quản lý văn bản, chương trình quản lý tài liệu lưu trữ; xây dựng hệ thống an ninh và các ứng dụng khác trong công tác quản trị và điều hành hoạt động của văn phòng.

Chuyên ngành Kinh doanh thương mại

48. Kinh doanh thương mại 3TC

Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là môn học chuyên ngành quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những phương thức giao dịch

xuất nhập khẩu trên thị trường quốc tế, cách thức đàm phán và ký kết hợp đồng, cách thức soạn thảo các hợp đồng xuất nhập khẩu, kỹ năng xem xét bộ hồ sơ xuất nhập khẩu và các tài liệu khác có liên quan. Những kiến thức cơ bản về xuất nhập khẩu gồm: bộ chứng từ xuất nhập khẩu, thư tín dụng thông thường trong hoạt động xuất nhập khẩu, hợp đồng thương mại, các giao dịch thông qua mail.

49. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu 3TC

Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là môn học chuyên ngành quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu những phương thức giao dịch xuất nhập khẩu trên thị trường quốc tế, cách thức đàm phán và ký kết hợp đồng, cách thức soạn thảo các hợp đồng xuất nhập khẩu, kỹ năng xem xét bộ hồ sơ xuất nhập khẩu và các tài liệu khác có liên quan. Những kiến thức cơ bản về xuất nhập khẩu gồm: bộ chứng từ xuất nhập khẩu, thư tín dụng thông thường trong hoạt động xuất nhập khẩu, hợp đồng thương mại, các giao dịch thông qua mail.

50. Bao bì và thương hiệu hàng hóa 3TC

Học phần Bao bì và thương hiệu hàng hóa là môn học chuyên ngành quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh nghiệm tiên tiến trong nước và quốc tế về bao bì, thương hiệu hàng hóa. Thêm vào đó, người học được rèn luyện kỹ năng lựa chọn bao bì và xây dựng thương hiệu hàng hóa trong kinh doanh. Từ đó, người học có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác; tự tin, chủ động trong việc thực thi các nghiệp vụ cũng như giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến bao bì và thương hiệu hàng hóa.

51. Thương mại quốc tế 3TC

Học phần Thương mại quốc tế là môn học chuyên ngành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại quốc tế, các lý thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế, tác động của liên kết thương mại quốc tế đối với các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng, sự tác động của các công cụ thuế quan và phi thuế quan cũng như các biện pháp phòng vệ thương mại.

52. Giao dịch và đàm phán kinh doanh 3TC

Học phần Giao dịch và đàm phán kinh doanh bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về giao dịch kinh doanh, về yếu tố văn hoá, tâm lý trong giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đồng thời, học phần cũng trang bị kiến thức về kỹ năng đàm phán kinh doanh thành công, về nội dung tổ chức đàm phán kinh doanh: từ hoạt động chuẩn bị đàm phán, tiến hành đàm phán và ra quyết định kết thúc đàm phán. Đây là những kiến thức cơ bản giúp cho các doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh của mình.

53. Nghiệp vụ mua bán hàng hóa ở doanh nghiệp thương mại 3TC

Học phần Nghiệp vụ mua bán hàng hoá ở doanh nghiệp thương mại bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về nghiệp vụ mua hàng và bán hàng ở trong các doanh nghiệp thương mại. Đồng thời, học phần còn trang bị kiến thức về việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện nghiệp vụ mua hàng và bán hàng trong các doanh nghiệp thương mại. Đây là những kiến thức cơ bản giúp cho các doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh của mình.

54. Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế 3TC

Học phần Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế trang bị lý luận và phương pháp luận về kinh doanh thương mại cũng như nghệ thuật và kinh nghiệm thực tiễn về kinh doanh thương mại quốc tế trong nền kinh tế thị trường. Học phần giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị các quá trình kinh doanh thương mại. Trên cơ sở đó, giúp cho các nhà quản trị kinh doanh có trình độ cao về hệ thống kiến thức cần thiết nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư vào kinh doanh thương mại, cũng như nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề có liên quan đến quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp.

55. Nghiệp vụ hải quan 3TC

Học phần chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại cung cấp kiến thức cơ bản về doanh nghiệp thương mại và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại như: khái niệm, đặc điểm, chức năng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, từ đó học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại như: phân tích đánh giá môi trường bên trong, bên ngoài doanh nghiệp thương mại để xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp cho doanh nghiệp thương mại, lựa chọn, tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh và kiểm tra đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

56. Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế 3TC

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Tổng quan về thanh toán quốc tế và tín dụng thương mại quốc tế, các chứng từ thương mại, phương tiện và phương thức trong thanh toán quốc tế cũng như các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái; rủi ro trong thanh toán quốc tế; khái quát thị trường ngoại hối và các giao dịch trên thị trường ngoại hối; các chỉ tiêu cơ bản trong tín dụng thương mại quốc tế và nội dung chủ yếu của hợp đồng tín dụng.

57. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại 3TC

Học phần chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại cung cấp kiến thức cơ bản về doanh nghiệp thương mại và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại như: khái niệm, đặc điểm, chức năng chiến lược kinh doanh của doanh

nghiệp thương mại, từ đó học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại như: phân tích đánh giá môi trường bên trong, bên ngoài doanh nghiệp thương mại để xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp cho doanh nghiệp thương mại, lựa chọn, tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh và kiểm tra đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

58. Quản trị chuỗi cung ứng 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng. Học phần giới thiệu tổng quan về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng, nghiên cứu phương pháp quản trị mua hàng và phát triển quan hệ với nhà cung cấp, các vấn đề cơ bản về hoạt động trong quản trị chuỗi cung ứng như dự báo nhu cầu và quản trị dự trữ. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về vấn đề phân phối và tích hợp chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

*** Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp**

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp

59. Quản trị chi phí kinh doanh 3TC

Học phần quản trị chi phí kinh doanh trình bày các vấn đề như: tại sao phải quản trị chi phí kinh doanh, phân loại chi phí kinh doanh, cách thức tập hợp chi phí kinh doanh theo từng loại, cách vận dụng để phân bổ chi phí kinh doanh, cách lập bảng để tính chi phí kinh doanh và tính giá thành đơn vị sản phẩm.

60. Quản trị công ty 3TC

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về Quản trị công ty như một hệ thống các cơ chế và chính sách giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát được quyền lực, năng lực và nỗ lực của các nhà quản lý nhằm tránh sự lạm quyền, tư lợi của họ với cách tiếp cận từ tổng quan về qui tắc, mô hình Quản trị công ty đến phân tích chi tiết từng chủ thể trong Quản trị công ty như Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát...; đồng thời cung cấp phương pháp và kỹ năng căn bản vận dụng các nguyên lý và kiến thức Quản trị công ty trong thực tiễn kinh doanh.

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh bất động sản

59. Thị trường bất động sản 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát thị trường bất động sản, hệ thống pháp luật về thị trường bất động sản, quản lý của nhà nước về hoạt động của thị trường bất động sản, mối quan hệ cung cầu thị trường bất động sản hệ thống thông tin trong thị trường bất động sản. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên cách xác định giá thành, giá trị bất động sản và thống kê bất động sản....

60. Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát thị trường bất động sản, hệ thống pháp luật về thị trường bất động sản, quản lý của nhà nước về hoạt động của thị trường bất động sản, mối quan hệ cung cầu thị trường bất động sản hệ thống thông tin trong thị trường bất động sản. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên cách xác định giá thành, giá trị bất động sản và thống kê bất động sản....

Chuyên ngành Quản trị văn phòng

59. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng 3TC

Học phần này sẽ cung cấp tổng quan các lý thuyết về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng; các hệ thống thông tin thông dụng; cách quản trị dữ liệu sao cho hiệu quả; hướng dẫn vẽ sơ đồ chức năng và sơ đồ luồng dữ liệu; mô tả mối quan hệ giữa các thực thể trong thực tế, cách thức kiểm soát hệ thống thông tin nhằm bảo mật dữ liệu và đưa ra giải pháp phát triển hệ thống thông tin văn phòng nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của tổ chức.

60. Quản trị hành chính văn phòng 3TC

Học phần Quản trị hành chính văn phòng là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị hành chính văn phòng gồm các khái niệm về văn phòng, quản trị hành chính văn phòng, cách thức tổ chức thu thập quản lý thông tin trong hoạt động hành chính văn phòng, công tác hoạch định, tổ chức, kiểm tra hành chính văn phòng, một số nghiệp vụ trong công tác hành chính văn phòng của cơ quan nhà nước cũng như doanh nghiệp.

Chuyên ngành Kinh doanh thương mại

59. Quản trị doanh nghiệp thương mại 3TC

Học phần quản trị doanh nghiệp thương mại cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh, tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại như: nghiên cứu thị trường, tạo nguồn mua hàng, tổ chức quản lý và điều kiện dự trữ hàng hóa, bán hàng và thực hiện các dịch vụ phục vụ khách hàng....Trên cơ sở nắm vững các nghiệp vụ kinh doanh để quản trị các hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu đã vạch ra, đồng thời vận dụng sáng tạo kinh nghiệm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp.

60. Hệ thống thông tin kinh doanh thương mại 3TC

Học phần hệ thống thông tin kinh doanh thương mại trình bày các vấn đề như: tổng quan về thông tin, các yêu cầu của thông tin trong kinh doanh thương mại, cách đánh giá hiệu quả của hệ thống thông tin kinh doanh thương mại, quy trình xây dựng và quản lý hệ thống thông tin trong kinh doanh thương mại, phân tích và thiết kế hệ

thống thông tin kinh doanh thương mại, các hệ thống thông tin trong kinh doanh thương mại, vấn đề an ninh và bảo mật trong hệ thống thông tin kinh doanh thương mại. Từ đó, giúp doanh nghiệp thương mại quản lý và kiểm soát tốt hệ thống thông tin kinh doanh thương mại của mình.

67. Thực tập tốt nghiệp

6TC

Học phần này trang bị cho người học cái nhìn tổng quát nhất các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị kinh doanh tại một số các lĩnh vực như: quản trị kinh doanh bất động sản, kinh doanh thương mại, quản trị văn phòng và quản trị kinh doanh nói chung. Trong quá trình làm thực tập tốt nghiệp người học có thể hệ thống hóa kiến thức về quản trị doanh nghiệp: hoạch định, xây dựng kế hoạch kinh doanh, nghiên cứu một vấn đề thực tiễn theo cách tiếp cận khoa học hơn.

3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh.

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần môn học
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu Màn chiếu Bảng chống loá Bàn giáo viên Bàn học sinh	104 107 154 154 3.650	Tất cả các học phần/ môn học
2	Phòng	28	1.988	- Máy tính	1.200	Tin học; Tiếng Anh

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	- Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống loá	154		
				Bàn giáo viên	154		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m2)
				Bàn học sinh	3.650		
2	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	Các môn tin học	
				Máy chiếu đa năng Sony	1		
				Thiết bị hỗ trợ trình chiếu Avov	2		
				Switch Dell™ 24 Port Gigabit Ethernet with 2 Fiber Uplink Ports slot	02		
				Acces Point Cisco truy cập không dây từ xa	02		
				Phần mềm Virus có bản quyền	41		
				Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu có bản quyền			
				Microsoft SQLSvrStd 2012 SNGL OLP NL Acdmc	01		
				Microsoft SQLCAL 2012 SNGL OLP NL Acdmc UsrCAL	05		
3	Phòng máy 810	1	103	Máy Vi tính DELL	50	Các môn tin học	103
				Máy chiếu đa năng SONY	1		
				Thiết bị hỗ trợ trình chiếu AVOV	1		
				Cable mạng AMP Category 6 UTP Cable	4		
				Wall Place AMP đôi	25		
				Phần mềm kế toán			

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m ²)
4	Phòng 901	1	103	Phần mềm kế toán DN MISA	1	Các môn tin học	103
				Phần mềm KTHCSN Misa	1		
				Máy vi tính DELL	57		
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1		
				Máy chiếu đa năng Sony	1		

c. Thông tin Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m² Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành quản trị kinh doanh

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình triết học Mác-Lênin, dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin, dành cho bậc đại học khối không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6	Tiếng Anh 1	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). New Cutting Edge, Elementary. Harlow: Pearson Longman
7	Tiếng Anh 2	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). New Cutting Edge – Pre-Intermediate. Harlow: Pearson Longman
8	Tiếng Anh 3	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). New Cutting Edge – Pre-Intermediate. Harlow: Pearson Longman
9	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), Pháp luật đại cương, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
		2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
		3. Nguyễn Minh Đuan (2016), Lý luận Nhà nước và Pháp luật; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
10	Tin học đại cương	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
		2. Phạm Quang Huy (2019), Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu, Nhà xuất bản Thanh niên.
		3. Phạm Quang Hiến (2019), Phạm Phương Hoa, Giáo trình thực hành Excel, Nhà xuất bản Thanh niên.
11	Kinh tế vi mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), Giáo trình Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản xây dựng.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		2. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2020), Hướng dẫn thực hành kinh tế vi mô, NXB Lao động – Xã hội.
12	Kinh tế vĩ mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), GT Kinh tế vĩ mô, NXB Lao động – Xã hội.
		2. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), Hướng dẫn Thực hành Kinh tế vĩ mô, NXB Lao động – Xã hội;
13	Toán kinh tế	1. Phùng Duy Quang (chủ biên)-Nguyễn Dương Nguyễn, 2012, Toán cao cấp ứng dụng trong phân tích kinh tế, Nhà xuất bản Sư phạm.
		2. Hoffmann, Bradley, Sobecki, Price, 2020, Giải tích cho kinh doanh, kinh tế học, khoa học sự sống và xã hội, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
14	Kinh tế số	1. TS Đặng Thị Việt Đức (2020), GT Kinh tế số thực trạng và hướng phát triển tại Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
15	Khởi sự kinh doanh	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), Giáo trình Khởi sự kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Lưu Đan Thọ (2016), Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh, NXB Tài chính.
16	Quản trị học	1. Nguyễn Hoàn (2019), Giáo trình Quản trị học, NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), Quản trị học, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
17	Định giá tài sản	1. Nguyễn Minh Hoàng, Phạm Văn Bình (2018), Giáo trình định giá tài sản, NXB Tài chính.
		2. Hay Sinh (2012), Nguyên lý thẩm định giá, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
18	Nguyên lý kế toán	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Lao động xã hội
		2. Bộ Tài chính (2015), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính
		3. Phan Đức Dũng (2014), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực, NXB Thống kê
19	Tài chính - tiền tệ	1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2011), Giáo trình Tài chính – Tiền tệ, NXB

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		<p>Tài chính.</p> <p>2. Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn (2018), Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ, NXB Đại học Kinh tế quốc dân</p> <p>3. Lê Thị Mận (2014), Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ, NXB Lao động Xã hội.</p>
20	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	<p>1. Ngô Huy Cương (2013), Giáo trình luật hợp đồng – Phần chung, NXB ĐH Quốc Gia.</p> <p>2. Lương Văn Úc (2012), Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp, NXB Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Lương Đức Cường (2013), Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp, NXB Kinh tế quốc dân.</p>
21	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	<p>1. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự (2010), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học và Kỹ thuật.</p>
22	Marketing căn bản	<p>1. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Marketing căn bản, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p>
23	Thương mại điện tử	<p>1. PGS. TS Nguyễn Việt Khôi (2020), Thương mại điện tử, NXB Đại học quốc gia Hà Nội..</p> <p>2. Trần Văn Hòe (2015), Thương mại điện tử căn bản, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân</p>
24	Quản trị chiến lược	<p>1. Ngô Kim Thanh (2018), Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Fredr. David (2012), Khái luận về Quản trị chiến lược, NXB thống kê.</p> <p>3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống, NXB Phương Đông.</p>
25	Quản trị Marketing	<p>1. Trương Đình Chiến (2013), Quản trị Marketing, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Nguyễn Hoàn (2013), Marketing căn bản, NXB Lao động.</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
26	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), Giáo trình quản trị nhân lực căn bản, NXB Thống kê.
		2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), Quản trị nhân lực, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
		3. Trần Kim Dung (2016), Quản trị nguồn nhân lực, NXB kinh tế TPHCM.
27	Hệ thống thông tin quản lý	1. Trần Thị Song Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, NXB ĐH Kinh tế quốc dân;
28	Kinh doanh quốc tế	1. Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2017), Giáo trình kinh doanh quốc tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
29	Tiếng Anh chuyên ngành	1. David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2012), New edition Market leader, Pre-Intermediate Business, NXB Văn hóa - Thông tin.
		2. John Rogers (2012), Pre - intermediate Market leader, Ft publishing.
30	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	1. Ngô Kim Thanh (2012), Giáo trình Kỹ năng quản trị, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
		2. Trinh Quốc Trung (2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội.
31	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Dương Thị Liễu (2013), Văn hóa kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
32	Tham quan nhận thức 1, 2	1. Nguyễn Hoàn (2019), Giáo trình Quản trị học, NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), Quản trị học, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
33	Thực tập nghề nghiệp 1	1. Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động.
		2. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
		3. Nguyễn Hữu Tài (2012), Lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
34	Thực tập nghề nghiệp 2,3	1. Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động.
		2. Nguyễn Ngọc Huyền (2014), Quản trị kinh doanh: Tập 1, ĐH KT quốc dân.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		3. Nguyễn Thành Độ (2012), Quản trị kinh doanh, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
35	Quản trị tác nghiệp	1. Nguyễn Thành Hiếu (2018), Giáo trình quản trị tác nghiệp, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
		2. Đồng Thị Thanh Phương (2011), Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập), NXB Lao động – Xã hội.
36	Quản trị doanh nghiệp	1. Ngô Kim Thanh (2018), Giáo trình quản trị doanh nghiệp, Đại học kinh tế quốc dân
37	Phân tích hoạt động kinh doanh	1. Nguyễn Văn Công (2016), Giáo trình phân tích kinh doanh, NXB đại học kinh tế quốc dân
38	Quản trị tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Lao động.
		2. Vũ Văn Ninh, Bùi Văn Vân (2015), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.
39	Quản trị dự án đầu tư	1. Từ Quang Phương (2014), Quản lý dự án, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), Lập dự án đầu tư, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
40	Kiểm soát nội bộ	1. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), Lý thuyết kiểm toán, NXB Tài chính.
		2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), Kiểm toán tài chính, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
		3. Leonard J (2012), Business & Professional Ethics for Directors, Executives & Accountants, South-Western.
41	Tái lập doanh nghiệp	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2008), Giáo trình khởi sự và tái lập doanh nghiệp, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Ngọc Huyền (2009), Thay đổi và phát triển doanh nghiệp, NXB. Phụ nữ.
42	Quản trị quá trình kinh doanh	1. John Jeston (2014), “Business Process Management Practical Guidelines to Successful Implementations”.
43	Tâm lý và hành vi khách hàng	1. Vũ Huy Thông (2014), Giáo trình hành vi người tiêu dùng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Bùi Văn Quang (2015), Hành vi người tiêu dùng thấu hiểu và vận dụng, NXB Lao động xã hội.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		3. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình marketing căn bản, NXB Thống kê.
		4. Nguyễn Quang Uẩn (2016), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Đại học sư phạm.
		5. Trịnh Quốc Trung (2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội.
44	Quản trị chất lượng	1. TS. Đinh Bá Hùng Anh (2017), Quản trị chất lượng toàn diện TQM & nhóm chất lượng, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh 2. Nguyễn Đình Phan (2012), Giáo trình Quản trị chất lượng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
45	Quản trị sự thay đổi	1. Phạm Vũ Khiêm (2018), Quản trị sự thay đổi trong tổ chức, NXB Bách khoa Hà Nội
46	Quản trị công nghệ	1. Bộ môn Quản lý công nghệ (2013), Giáo trình Quản lý công nghệ, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
47	Quản trị văn phòng	1. Nguyễn Thành Độ (2012), Giáo trình quản trị văn phòng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
48	Quản trị chuỗi cung ứng	1. Micheal M.Hugos (2019), Nguyên lý Quản trị chuỗi cung ứng, dịch bởi Phan Đình Mạnh, NXB Thế giới. 2. Nguyễn Thành Hiếu (2015), Quản trị chuỗi cung ứng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
49	Quản trị rủi ro	2. Phan Thị Thu Hà (2019), Quản trị rủi ro, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
50	Quản trị hậu cần	1.PGS.TS Lê Công Hoa (2012), Giáo trình “Quản trị hậu cần”, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
51	Quản trị đa văn hóa	1. Dr. David C. Thomas (2021), Cross-Cultural Management: Essential Concepts 4th Edition, SAGE Publishing.
52	Quản trị bán hàng	1. Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông (2018), Giáo trình Quản trị bán hàng, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
53	Quản trị kênh phân phối	1. Trương Đình Chiến (2012), Quản trị kênh phân phối, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
54	Quản trị năng suất	1. Kongkiti Phusavat (2013), Productivity Management in an Organization, Toknow Press.
55	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	1. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2011) Giáo trình Quản lý Nhà nước về đất đai, NXB Nông

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		<p>Nghiệp.</p> <p>2. Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), Luật đất đai 2013, NXB Lao Động.</p> <p>3. TS. Nguyễn Minh Oanh (chủ biên) (2015), Bình luận luật nhà ở năm 2014, NXB Lao Động</p> <p>4. Nguyễn Minh Oanh (2014), Bình luận Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, NXB Lao động.</p> <p>5. PGS.TS. Nguyễn Minh Đoàn, TS. Nguyễn Văn Năm (chủ biên) (2016), Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, NXB Tư pháp.</p>
56	Quản lý đô thị	1. Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2015), Giáo trình quản lý đô thị, Nhà xuất bản Thống Kê.
57	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	1. Hàn Tất Ngạn (2014), Kiến trúc cảnh quan, NXB Xây dựng.
58	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	<p>1. Thái Thị Quỳnh Như, Vũ Lệ Hà (2013), Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;</p> <p>2. Phụng Vũ (2019), Sổ tay Pháp luật đất đai – Những quy định mới được sửa đổi, bổ sung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng từ ngày 01/01/2019, NXB Thế giới;</p> <p>3. Quý Lâm (2018), Luật Đất đai, Luật Nhà ở và hời – đáp pháp luật về đất đai, nhà ở, NXB Lao Động.</p>
59	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	<p>1. Nguyễn Thị Huyền (2011), Giáo trình Luật kinh doanh bất động sản, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Thái Trí Dũng (2012), Giáo trình tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>3. Luật kinh doanh bất động sản (2018), NXB Chính trị quốc gia.</p>
60	Kinh doanh bất động sản	<p>1. Nguyễn Thế Phán (2015), Bài giảng kinh doanh bất động sản, Khoa bất động sản và kinh tế tài nguyên, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội.</p> <p>2. Hoàng Văn Cường (2017), Giáo trình thị trường bất động sản, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		3. Nguyễn Thế Phụng (2011), Giáo trình thẩm định giá bất động sản, NXB Phương Đông.
61	Đầu tư và tài chính bất động sản	1. Phan Thị Cúc, Nguyễn Văn Xa (2009), Đầu tư kinh doanh bất động sản, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM 2. Trần Tiến Khai (2011), Nguyên lý bất động sản, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội
62	Quy hoạch sử dụng đất	1. Đoàn Công Quý (2006), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất, Nxb Nông nghiệp. 2. Trần Hữu Viên (2005), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất, Nxb Nông nghiệp
63	Tổ chức thi công xây dựng	1. Nguyễn Huy Thanh (2012), Giáo trình tổ chức thi công xây dựng, NXB Xây dựng. 2. Lê Hồng Thái (2016), Tổ chức thi công xây dựng, NXB Xây Dựng.
64	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản	1. Nguyễn Thống (2017), Giáo trình Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng, NXB Xây Dựng.
65	Phát triển dự án bất động sản	1. Đoàn Dương Hải (2016), Kinh tế và quản lý bất động sản, NXB Bộ Xây Dựng.
66	Phương pháp soạn thảo văn bản	1. Trường ĐH Luật Hà Nội, (2019), Giáo trình kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng, NXB Tư Pháp. 2. Lương Văn Úc, (2012), Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo Văn bản kinh tế và Quản trị doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
67	Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	1. Nguyễn Văn Báu (2020), Quản lý văn bản và lưu trữ hồ sơ doanh nghiệp, NXB Tổng hợp TP HCM
68	Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp	1. Nguyễn Thành Độ (2012), Giáo trình Quản trị văn phòng, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
69	Quản lý tài sản cơ quan	1. Nguyễn Thị Bất (2017), Giáo trình quản lý tài sản công, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Đoàn Thị Hồng Vân (2013), Logistics những vấn đề cơ bản, NXB Lao động xã hội 3. Nguyễn Minh Hoàng (2011). Định giá tài sản, NXB Tài Chính.
70	Nghiệp vụ thư ký	1. Vương Thị Kim Thanh (2009), Quản trị hành chính văn phòng, NXB TP HCM 2. Nguyễn Thành Độ (2012), Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB ĐH KTQD

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
71	Văn hóa công sở	1. Nguyễn Mạnh Quân (2012), Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Dương Thị Liễu (2013), Giáo trình văn hóa kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Vũ Thu Phương (2018), Quy tắc ứng xử nghệ thuật giao tiếp nơi công sở, NXB lao động
72	Tổ chức sự kiện trong văn phòng	1. Lưu Văn Nghiêm (2012), Tổ chức sự kiện, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Thị Mỹ Thanh, (2015), Giáo trình Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội, NXB Lao động – Xã hội.
73	Lễ tân văn phòng	1. Trương Minh Vũ (2015), Giáo trình Nghiệp vụ lễ tân, NXB Giáo dục Việt Nam.
		2. Woods, Robert (2014), Quản lý lễ tân chuyên nghiệp, NXB England: Pearson.
		3. Vương Thị Kim Thanh, (2009), Quản trị hành chính văn phòng, NXB Thống kê – TP HCM.
74	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	1. Nguyễn Thành Độ (2012), Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Trần Thị Song Minh (2019), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
75	Ứng dụng công nghệ thông tin trong văn phòng	1. Hoàng Cao Minh Cường (2001), Giáo trình Hướng dẫn sử dụng Windows, Microsoft office, Internet, NXB Khoa học kỹ thuật.
		2. Hà Mạnh Đào (2013), Giáo trình Mạng máy tính, NXB Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội.
76	Kinh doanh thương mại	1. Hoàng Đức Thân (2018), Giáo trình Kinh doanh thương mại, NXB đại học kinh tế quốc dân
		2. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (2019), Giáo trình Kinh tế thương mại, NXB Đại học kinh tế quốc dân
77	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	1. Tạ Lợi (2019), Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương, NXB đại học kinh tế quốc dân.
		2. Lê Tuấn Lộc, Trần Huỳnh Thúy Phương (2014), Giáo trình Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		3. Trần Hòe (2012), Giáo trình Nghiệp vụ Kinh doanh xuất nhập khẩu, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
78	Bao bì và thương hiệu hàng hóa	1. Nguyễn Thị Lại Giang, Trần Thanh Hà (2018), Giáo trình Thiết kế và sản xuất bao bì, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh
		2. Phạm Thị Lan Hương, Lê Thế Giới, Lê Thị Minh Hằng (2018), Giáo trình Quản trị thương hiệu, NXB Tài chính.
		3. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018). Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh. NXB Hà Nội.
79	Thương mại quốc tế	1. Hoàng Đức Thân, Nguyễn Văn Tuấn (2018), Giáo trình Thương mại quốc tế, NXB đại học kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Xuân Thiên (2015), Giáo trình Thương mại quốc tế, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
80	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	1. Hoàng Đức Thân (2019), Giáo trình Giao dịch và Đàm phán kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
		2. Thái Trí Dũng (2012), Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh, NXB Lao động - Xã hội;
		3. Đoàn Thị Hồng Vân (2009), Đàm phán trong kinh doanh quốc tế, NXB Lao động - Xã hội.
81	Nghiệp vụ mua bán hàng hóa ở doanh nghiệp thương mại	1. PGS.TS. Lê Quân, PGS.TS. Hoàng Văn Hải (2010), Giáo trình Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp thương mại, NXB Thống kê
		2. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (2005), Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh thương mại – dịch vụ, NXB Hà Nội;
		3. PGS.TS. Lê Công Hoa (2012), Chuyên đề Quản trị hậu cần kinh doanh (Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa), Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
82	Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế	1. Nguyễn Thừa Lộc, Trần Văn Bảo (2021), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại, NXB Đại học Kinh tế quốc dân,
83	Nghiệp vụ hải quan	1. Hoàng Trần Hậu, Nguyễn Thị Thương Huyền (2011), Giáo trình Hải quan cơ bản, NXB Tài chính.
		2. Nguyễn Thừa Lộc (2008), Luật hải quan Việt Nam và quốc tế, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
84	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế	1. Nguyễn Thị Thu Thảo (2018), Giáo trình Nghiệp vụ thanh toán quốc tế, NXB Tài chính
		2. Trần Văn Hòe (2012), Giáo trình tín dụng và thanh toán thương mại quốc tế, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân
		3. Nguyễn Văn Tiến (2014), Cẩm nang thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương, NXB Thống Kê
85	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại	1. Nguyễn Thừa Lộc, Trần Văn Bảo (2021), Quản trị doanh nghiệp thương mại, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Ngô Kim Thanh (2018), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
86	Thực tập tốt nghiệp	1. Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động.
		2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), Giáo trình Quản trị kinh doanh, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
87	Quản trị chi phí kinh doanh	1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền (2013), Giáo trình Tính chi chi phí kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
88	Quản trị công ty	1. Hoàng Văn Hải (2020), Quản trị công ty, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
89	Thị trường bất động sản	1. Hoàng Văn Cường (2017), Giáo trình Thị trường bất động sản, Trường đại học Kinh tế Quốc dân.
90	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	1. Bùi Mạnh Hùng (2013), Môi giới và kinh doanh bất động sản, Nhà xuất bản Xây dựng
		2. Hoàng Minh Đường, Nguyễn Thừa Lộc (2016), Quản trị doanh nghiệp thương mại, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân
91	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin văn phòng	1. Nguyễn Văn Ba (2002), Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội;
92	Quản trị hành chính văn phòng	1. Vương Thị Kim Thanh (2009), Quản trị hành chính văn phòng, NXB TP HCM
		2. Thùy Linh (2013), Văn hóa ứng xử, nghệ thuật giao tiếp nơi công sở, NXB Lao động
93	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1. Hoàng Đức Thân (2018), Kinh doanh thương mại, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
94	Hệ thống thông tin kinh doanh thương mại	1. Trần Thị Song Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, NXB ĐH Kinh tế quốc dân;

3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Hoàn	Tiến sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
2	Hoàng Đình Hương	Tiến sĩ	Kế toán, Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
3	Nguyễn Ngọc Thanh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế học	Khoa Lý luận chính trị
4	Phan Thị Minh Lý	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Khoa học quản lý, Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
5	Vũ Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ	Quản trị kinh	Khoa Kinh tế TNMT
6	Đào Thị Thương	Thạc sĩ	Thương mại	Khoa Kinh tế TNMT
7	Phạm Thị Ngoan	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
8	Ngô Thị Duyên	Thạc sĩ	Thương mại	Khoa Kinh tế TNMT
9	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
10	Hà Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
11	Nguyễn Kiều Hoa	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
12	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
13	Đào Thị Thanh Thúy	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
14	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
15	Nguyễn Quỳnh Châm	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
16	Vũ Thị Thảo	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực	Khoa Kinh tế TNMT

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
17	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh triển phát triển	Khoa Kinh tế TNMT
18	Bùi Thị Thu	Tiến sĩ	Marketing	Khoa Kinh tế TNMT
19	Nguyễn Danh Nam	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
20	Vũ Thúy Hà	Tiến sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
21	Giáp Minh Nguyệt Ánh	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
22	Trần Thị Dung	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
23	Đỗ Thị Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
24	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
25	Nguyễn Thị Thu Hường	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
26	Nguyễn Vân Dung	Thạc sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
27	Phan Thị Yến	Thạc sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
28	Chu Lâm Sơn	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Khoa Kinh tế TNMT
29	Bùi Phương Nhung	Thạc sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
30	Lê Thị Thùy Dung	Tiến sĩ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
31	Trần Lệ Thu	Tiến sĩ	Luật	Khoa Lý luận chính trị
32	Vũ Thị Mạc Dung	Tiến sĩ	Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị
33	Lê Ngọc Anh	Tiến sĩ	Hóa học	Khoa Khoa học đại cương

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
34	Khuất Thị Nga	Thạc sỹ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
35	Nguyễn Thị Quý	Thạc sỹ	Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị
36	Mai Ngọc Diệu	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
37	Nguyễn Ngọc Linh	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
38	Nguyễn Thị Na	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
39	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ
40	Lê Thị Hương	Thạc sỹ	Toán tin	Khoa Khoa học đại cương
41	Đoàn Thị Thanh Huyền	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
42	Hoàng Diệu Thảo	Thạc sỹ	Chính trị học	Khoa Lý luận chính trị
43	Nguyễn Tiến Dũng	Cử nhân	Sư phạm Toán	Khoa Khoa học đại cương
44	Nguyễn Tài Hoa	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
45	Nguyễn Thị Bích	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị
46	Đỗ Thị Ngân	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
47	Đinh Thị Như Trang	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
48	Nguyễn Thị Huyền Thư	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
49	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Dạy Tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Bộ môn Ngoại ngữ

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
50	Đặng Thị Khánh Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Khoa học đại cương
51	Hoàng Thị Ngọc Minh	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị
52	Đàm Thanh Tuấn	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
53	Lê Thị Vui	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Khoa công nghệ thông tin
54	Lê Xuân Tú	Thạc sỹ	Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị
55	Nguyễn Thị Liên	Thạc sỹ	Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị
56	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sỹ	Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị
57	Phùng Thị Bích Hằng	Thạc sỹ	Sử học	Khoa Lý luận chính trị
58	Đỗ Minh Anh	Thạc sỹ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
59	Lê Thanh Thủy	Thạc sỹ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
60	Ngô Quang Duy	Thạc sỹ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
61	Trần Thị Hương	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	Khoa công nghệ thông tin
62	Vũ Thị Kim Oanh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
63	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	Khoa công nghệ thông tin
64	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sỹ	Giảng dạy tiếng anh cho người nước ngoài	Bộ môn Ngoại ngữ
65	Phùng Thị Kim Yến	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
66	Bùi Thị Thu Hương	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị
67	Nguyễn Đình Tuấn Lê	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị
68	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
69	Nguyễn Thị Trang	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
70	Phạm Thị Hương	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
71	Phạm Thị Linh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
72	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	Thạc sỹ	Luật học	Khoa Lý luận chính trị
73	Trương Thị Hương	Thạc sỹ	Toán học	Khoa Khoa học đại cương
74	Vũ Thị Thanh Thủy	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị
75	Ngô Thị Kiều Trang	Tiến sỹ	Kiểm toán	Khoa Kinh tế TNMT
76	Nguyễn Thị Mai Anh	Tiến sỹ	Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
77	Phạm Huy Hùng	Thạc sỹ	Kiểm toán	Khoa Kinh tế TNMT
78	Nguyễn Khánh Ly	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
79	Trần Thị Thu Trang	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
80	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
81	Đỗ Thị Ngọc Thúy	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
82	Đào Hồng Vân	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
83	Đặng Thị Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
84	Đỗ Diệu Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
85	Đỗ Đức Dương	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
86	Phạm Thị Ngoan	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
87	Tổng Thị Thu Hòa	Thạc sỹ	TCDN	Khoa Kinh tế TNMT
88	Nguyễn Thị Thu Hà	Tiến sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
89	Vũ Thị Nhung	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
90	Lê Thị Bích Lan	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
91	Trần Thu Hằng	Thạc sỹ	TCDN	Khoa Kinh tế TNMT
92	Vũ Thị Hoàng Yến	Thạc sỹ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
93	Phạm Thị Lam	Thạc sỹ	TCNH	Khoa Kinh tế TNMT

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận trên lớp; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 – 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; khóa luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục).

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo học phần dựa và đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng thời kỳ. Nếu sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì ở lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi kỳ).

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần thể chất, quốc phòng) trong học kỳ được quy định như sau:

+ Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

+ Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng phần và trình tự học tập của mỗi trương chình đào tạo.

3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

3.9.1. Chương trình trong nước đã tham khảo

1. Trường đại học Kinh tế Quốc dân
2. Học viện Tài chính
3. Trường đại học Thương mại
4. Trường đại học Nội vụ Hà Nội
5. Trường đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh

3.9.2. Chương trình ngoài nước đã tham khảo

1. Trường RMIT Aniversity Autralia
2. Trường Hong Kong Polytechnic University
3. Trường Universityof Saskatchewan

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA



Vũ Danh Tuyên

Nguyễn Hoàn